

慧  
啟  
文  
集



HUỆ KHAI

HÒA ĐIỀU LIÊN TÔN

NXB TÔN GIÁO

HUỆ KHAI

HÒA ĐIỀU  
LIÊN TÔN

TG NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

## HÒA ĐIỆU LIÊN TÔN

**HUỆ KHẢI.** Thê danh Lê Anh Dũng. Chào đời tại Chợ Mới, An Giang. Bút danh: Dũ Lan LÊ ANH DŨNG, NGHÊ DŨ LAN, LÊ KHANG THÌN... Chủ biên giai phẩm **ĐẠI ĐẠO VĂN UYẾN** (Nxb Tôn Giáo, 2012, ấn tổng mỗi quý).

**ĐÃ IN TRONG CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO:**  
**NHỚ ĐẠT LINH** (chủ biên, 2008) • **TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI** (viết chung với Thanh Căn, 2009, 2010, 2011) • **HÀNH TRANG TIẾN BỐI CAO TRIỆU PHÁT** (viết chung với Cao Bạch Liên, 2010, 2012).

### HUỆ KHẢI VĂN TẬP (ấn tổng)

**ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐỀ VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI** (*Cochinchina as a Cultural Precondition for the Foundation of Caodaism*, 2008, 2012) • **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐỀ PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI** (*Cochinchina as a Legal Precondition for the Foundation of Caodaism / La Cochinchine – le Préalable Juridique pour la Fondation du Caodaïsme*, 2008, 2010) • **NGŨ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN** (*Ngô Văn Chiêu – the First Caodai Disciple*, 2008, 2009, 2012) • **LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI** (2008, 2010, 2012) • **LÒNG CON TIN ĐẮNG CAO ĐÀI** (2008, 2010) • **KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI** (2009, 2010, 2011) • **TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO** (2009, 2010) • **TAM GIÁO VIỆT NAM – TIẾN ĐỀ TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI** (*The Three Teachings of Vietnam as an Ideological Precondition for the Foundation of Caodaism*, 2010, 2013) • **MỘT DÒNG BÁT NHÃ** (2010, 2013) • **GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU** (1993, 1995, 2000, 2001, 2003, 2005, 2010, 2011) • **TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN** (2011, 2012) • **NHỊP CẦU TƯƠNG TRI** (2011) • **ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ** (2011, 2013) • **ĐIỂM TỰA TÂM LINH** (2011, 2012) • **NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU** (2011) • **MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI** (2011) • **CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC** (2011) • **TU CỨU CỬU HUYỀN THẤT TỔ** (2012, 2013) • **CẤM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỲ 1928-1950 / Caodaism under Persecution in Central Vietnam 1928-1950** (2012) • **BẮC CẦU TÂM LINH** (2012) • **HÒA ĐIỆU LIÊN TÔN** (2012, 2013) • **QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY** (1995, 2012)

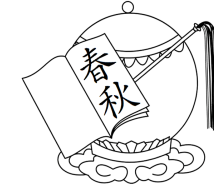
ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI  
(Dũ Lan LÊ ANH DŨNG)

# HÒA ĐIỆU LIÊN TÔN

IN LẦN THỨ HAI

Nhà xuất bản **TÔN GIÁO**  
Hà Nội 2013



Hiền tử **THỦY NHƯ HƯƠNG**  
môn sanh Chiếu Minh (Long Vân Đàn, Mỹ Tho)  
công quả ba mươi ba triệu (33.000.000) đồng  
ấn tống năm ngàn (5.000) quyển.  
Kính nguyện hồi hương cho quốc thái dân an,  
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hoằng dương,  
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bị nạn.

## ĐÔI LỜI THA THIẾT

Quý vị vui lòng **KHÔNG photocopy, KHÔNG mua bán** bất kỳ kinh sách nào do *Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo* thực hiện. Trân trọng kính mời Quý vị liên hệ với **thánh thất Bàu Sen**, hoặc các điểm phát hành của chúng tôi tại các tỉnh, thành, quận, huyện để thỉnh các ấn phẩm chánh thức (kính biểu).

Kinh sách được ấn tống để kính biểu rộng rãi là nhờ có biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gởi gắm. Để không phụ lòng các bậc Mạnh Thường Quân ấy, xin Quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của Quý vị.

**Ban Ấn Tống**

## MỤC LỤC

<i>Giao Cảm</i>	6
1 Chó Cắn Lũ Động Tân	9
2 Con Chuột Trong <i>Tây Du Ký</i>	17
3 Con Cọp Trong <i>Tây Du Ký</i>	21
4 Con Mèo Trong Thiên Thoại	27
5 Dịch Không Diệt	31
6 Đọc <i>Con Mèo Nhập Niết Bàn</i>	37
7 Đọc <i>Sợi Tơ Nhện</i>	45
8 Đức Giêsu Ở Ấn Độ	57
9 Holmes Welch (1921-1981): Cuộc Đối Thoại <i>Giữa Đạo Đức Kinh Và Kinh Thánh</i>	63
10 Một Trong Muôn	69
11 Nửa Thế Kỷ Công Đồng Vatican II: Một Chút <i>Tâm Tình Của Người Đạo Cao Đài</i>	79
12 Phúc Âm Hòa Diệu	89
13 Ta Là Ta	95
14 Xem <i>Chú Tiểu</i>	102
15 Xem <i>Xuân Hạ Thu Đông</i>	108

*Tôn giáo là con thuyền đưa khách  
mà Đạo là bến đỗ. Các con thuyền  
cuối cùng cũng xuôi về bến đỗ.<sup>(1)</sup>*

Đức Chí Tôn

*Chỉ có Đạo tơ vương cột mối  
Cùng đó đây bắc nối nhịp cầu  
Đừng phân chi phái sắc màu  
Hãy nhìn vạn giáo cùng nhau một đường.<sup>(2)</sup>*

Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch

Những dòng thánh ngôn cùng chủ đề tư tưởng như dẫn trên xuất hiện rất nhiều trong giáo lý Cao Đài, soi dẫn cho tín đồ bước theo con đường hòa đồng tôn giáo, dung hòa các xu hướng tín ngưỡng khác nhau.

Thật vậy, từ khi mới mở Đạo, các Đấng thiêng liêng trong Tam Kỳ Phổ Độ đã sớm dạy môn sanh chủ trương *vạn giáo nhất lý*, xây dựng cho hàng hướng đạo biết xiển dương chơn giáo Kỳ Ba với một chánh tín là muôn dòng đạo pháp đều cùng chung một cội nguồn.

<sup>(1)</sup> Thánh thất Nam Thành, ngày 27-01-1971.

<sup>(2)</sup> Thiên Lý Đàn, ngày 01-4-1965.



Nói cách khác, người đạo Cao Đài là những người mang tâm hồn liên tôn, sống đạo với tinh thần liên tôn...

Mang tâm tình đó, khi tìm vui với chữ nghĩa, chia sẻ những suy niệm lụn vụn của mình trên tuần san và nguyệt san *Công Giáo Và Dân Tộc* (CGvDT), tôi đã rất hữu duyên hữu hạnh khi nhận được sự đồng cảm và tán trợ quý hóa của các bạn vẫn đang phụ trách tờ báo tên tuổi này. Nhờ thế, trong gần mười năm qua, vài trăm bài viết ngắn dài của tôi lần lượt được đăng tải, chuyên chở đến đông đảo bạn đọc những ý đạo của Cao Đài, Công Giáo, Tam Giáo, và một vài tôn giáo khác.

Kết tập hơn tám mươi bài viết, năm ngoái tôi ấn tống *Nhịp Cầu Tương Tri*.<sup>(3)</sup> Hai chữ tương tri hàm ngụ ý nghĩa thấu hiểu nhau trong tình liên tôn trọng kính.

Năm nay, tiếp tục tuyển chọn những bông trái trên khoảnh vườn liên tôn mà tòa soạn Công Giáo Và Dân Tộc đã ưu ái trao cho, tôi chọn lấy năm mươi hai bài in thành tập *Bắc Cầu Tâm Linh*,<sup>(4)</sup> tạm coi như đề nối dài một nhịp cầu đã gãy dựng.

Còn lại hơn mười bài, tuy vẫn mang mẽ tâm tình liên tôn, nhưng nếu gộp chung với Bắc Cầu Tâm Linh thì dường như không được đồng nhất cho lắm về mặt hình thức diễn bày. Bởi tự xét như thế nên tôi hình thành *Hòa Diệu Liên Tôn*.

---

<sup>(3)</sup> Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2011. Quyển 42 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

<sup>(4)</sup> Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2012. Quyển 54 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

*Vì chính Ta biết các kế hoạch  
Ta định làm cho các người...*

Giêrêmia 29:11

Nguyễn Hiến Lê (1912-1984) từng bảo rằng phải có duyên mới viết được một cuốn sách, và cũng phải có duyên mới xuất bản được một cuốn sách. Chiêm nghiệm lời nói hữu lý của bậc tiền bối khả kính, tôi càng thấm thía ơn phước thiêng liêng khi nhìn lại chặng đường đã qua.

Tôi biết ơn báo Công Giáo Và Dân Tộc đã trợ duyên cho tôi suốt ngần ấy năm để tôi bắc được nhịp cầu tương tri, đồng cảm giữa Cao Đài và Công Giáo, cũng như một vài tôn giáo bạn.

Tôi biết ơn quý vị Mạnh Thường Quân trong *Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo* đã trợ duyên, tạo phương tiện tài lực dồi dào để tôi hân hạnh có thêm một quyển sách nhỏ ra đời, giúp tôi gởi theo gió muôn phương ít nhiều hương vị đạo lý mà tôi diễm phúc thâm liễm được kể từ khi tập tễnh bước vào cửa Cao Đài xin làm đứa con áo trắng nhỏ nhút của Thầy của Mẹ.

Con xin kính thành cầu nguyện Đức Chí Tôn ban ơn lành đến toàn thể ân nhân của con và cứu huyền thất tổ của những người con mãi mang ơn.

*Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.*

Huệ Khải  
Tháng 7-2012

## CHỖ CẢN LỬ ĐỘNG TÂN

Lữ Động Tân, thường gọi Lữ Tổ, là vị thứ ba trong tám vị tiên (Bát Tiên).<sup>(1)</sup> Ngài sinh đời Đường, họ Lữ; tên Nham. Có sách bảo tên là *Thiệu Tiên*. Ngài có rất nhiều hiệu như: *Thuần Dương Tổ Sư, Thuần Dương Tử, Hối Đạo Nhân, Hối Đạo Sĩ, Phù Hựu Đế Quân...*

Ngài là học trò Đức Chung Ly Quyền (thường gọi là Chung Tổ, đứng đầu nhóm Bát Tiên). Kinh sách đạo Lão thường nhắc chung cả hai vị, gọi là Chung Lữ Nhị Tổ.

Đọc *Thất Chân Nhân Quả*, chúng ta biết thêm hai vị Tổ Sư này đã truyền đạo cho Vương Trùng Dương rồi sau đó Vương Tổ truyền đạo cho bảy học trò (sáu nam, một nữ) ở tỉnh Sơn Đông, thế là hình thành nhóm Toàn Chân Thất Tử và phái Toàn Chân ra đời, rất thịnh ở Trung Quốc.

Thuở mới đi tu, ngài Lữ được thầy là Chung Tổ bày ra đủ cách thử thách. Truyện *Đông Du Bát Tiên* chép rõ mười cảnh ảo do Đức Chung Tổ hóa ra để làm đề thi luyện kỹ thử thách học trò.<sup>(2)</sup> Đề thi đầu tiên là ngài Lữ thấy toàn gia

<sup>(1)</sup> Bát Tiên theo thứ tự gồm có: ① Hán Chung Ly (họ Chung Ly, tên Quyền); ② Trương Quả Lão; ③ Lữ Động Tân; ④ Tào Quốc Cữu (họ Tào, tên Cảnh Hưu); ⑤ Lý Thiết Quả, cũng gọi Thiết Quả Lý (họ Lý, tên Huyền); ⑥ Hàn Tương Tử; ⑦ Lam Thái Hòa; ⑧ Hà Tiên Cô.

<sup>(2)</sup> Về Đức Lữ Tổ, xem thêm: Huệ Khải, *Tìm Hiểu Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010, tr. 59-75. Quyển 16 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.

quyển bị bệnh dịch chết hết mà không hề oán trời trách đất.

Thử thách này khiến chúng ta nhớ *Cựu Ước* chép chuyện ông Gióp ở đất Út là người vẹn toàn và ngay thẳng, kính sợ Thiên Chúa và lánh xa điều ác. Satan nói với Đức Chúa:

“*Ngài cứ thử giơ tay đánh vào mọi tài sản của nó xem, chắc chắn là nó nguyện rửa Ngài thẳng mặt!*” (Gióp 1:11)

Được Thiên Chúa cho phép, Satan bèn ra tay thử thách ông Gióp. Trong một ngày, ông liên tiếp nghe bốn tin dữ: ① Dân Sova cướp hết bò và lừa, người làm của ông bị giết; ② Chiên và dê cùng một số người làm bị chết cháy; ③ Người Candê cướp lạc đà, giết người làm của ông; ④ Con trai và con gái ông đang ăn tiệc thì nhà sập đè họ chết.

Trước bốn việc dữ xảy đến dồn dập, ông Gióp vẫn không một lời trách móc, không hề phạm lỗi với Thiên Chúa.

Nhiều bậc hành giả tu đơn, chuyên về tâm pháp (thiền) thường không muốn lập ngôn (viết sách). Trái lại, Đức Lữ Tổ dù coi trọng tu thiền, ngài vẫn tích cực nhập thế phổ độ và hăng say trú tác để giáo hóa. Điều đó giải thích vì sao xưa nay ngài đã là một tên tuổi lừng lẫy của đạo Lão Trung Quốc. Tác phẩm của Đức Lữ Tổ để lại cho đời khá nhiều, được chép trong *Đạo Tạng Tập Yếu*.

Đức Lữ Tổ hành tung ẩn hiện, biến hóa khôn lường, tuy đắc đạo rồi vẫn nguyện thẳng giáng nơi cõi trần ô trược để tìm cơ duyên độ dẫn người có thiện căn bước vào đường tu tiên giải thoát. Trải qua Đường, Tống, Nguyên các đời, Đức Lữ Tổ hiển hiện nhiều linh dị, dân chúng sùng bái, lập miếu thờ, lưu truyền nhiều kỳ tích huyền bí. Đời Thanh quy định nghi thức hành lễ tôn kính Ngài theo đẳng Đế Quân.

Uy linh của Đức Lữ Tổ còn ảnh hưởng sang Việt Nam. Giữa lòng Hà Nội, xưa là kinh thành Thăng Long, trên hồ Hoàn Kiếm (hồ Gươm) là đền Ngọc Sơn danh tiếng. Lúc đầu đền này thờ Đức Quan Thánh Đế Quân, sang thế kỷ 19 thì thờ thêm Đức Văn Xương Đế Quân, rồi sau lại thờ thêm Đức Phù Hựu Đế Quân (Lữ Tổ).

Tranh dân gian Trung Quốc ① hoặc vẽ Đức Lữ Tổ cầm phát trần hay phát chủ. Đây là một bảo bối của Tiên, thế nên phát trần cùng với kinh Xuân Thu của Nho, bình bát (*patra*) của Phật được đạo Cao Đài gộp lại làm biểu tượng chung cho Tam Giáo; ② hoặc vẽ ngài đeo kiếm sau lưng (theo truyền thuyết ngài rất giỏi kiếm pháp, luôn mang gươm đi trừ yêu diệt quái); ③ hoặc vẽ ngài bị chó cắn!



Qua phần trình bày khái lược hành trạng Đức Lữ Tổ như trên, chúng ta thấy ngài là một Đại Tiên danh tiếng, có tầm ảnh hưởng rất lớn trong đạo Lão Trung Quốc. Một Đại Tiên đứng vào hàng Tổ Sư như Đức Lữ Tổ mà bị chó cắn!

Thật ra, không có một điển tích hay giai thoại nào nói về việc này. Nhưng trong ngôn ngữ Trung Quốc từ xưa đã có câu nói cửa miệng “*Cầu giáo Lữ Động Tân*” rồi, và được áp dụng cho nhiều tình huống mà những người tốt, tài đức bị thế gian rẻ rúng, ngược đãi, ám hại...

Chẳng hạn, bình sinh Đức Khổng Tử luôn bị vua chúa bạc đãi, không tin dùng chính trị vương đạo của ngài. Có lúc ngài và nhóm môn đệ còn bị kẻ dữ vây khốn ở nước Trần, nước Thái, phải chịu nhịn đói luôn sáu bảy ngày... Trong *Sử Ký* của Tư Mã Thiên (145-86 trước Công Nguyên), ở chương *Khổng Tử Thế Gia* có chép lời người nước Trịnh bảo rằng Đức Khổng trông giống như “con chó nhà có tang” (*tang gia chi khuyển*). Khi nghe kể lại những chuyện không vui như thế, nếu thông cảm và thương Đức Khổng Tử, người Trung Quốc có thể than: “Ôi! Cầu giáo Lữ Động Tân!”

Đức Phật trong lúc đang hoằng pháp từng bị kẻ xấu cho voi dữ tấn công, lén lăn đá từ trên núi xuống, bị bỏ thuốc độc trong cơm để mưu sát, bị đàn bà độn bụng giả làm kẻ mang bầu rồi đi thẳng vào chỗ Phật đang giảng đạo mà lu loa vu khống!

Đức Giêsu bị quân dữ đánh đòn, bị đội vòng gai, bị khạc nhổ, bị đánh vào đầu, bị giễu cợt, bị đem đóng đinh trên thập giá giữa hai tên cướp... (Matthêu 27:26, 29, 30, 38).

Ngày xưa (thời Nhị Kỳ Phổ Độ), Đức Khổng, Đức Phật,

Đức Chúa nào có tội tình gì! Các Đấng chỉ đem hết tình thương và trí tuệ siêu việt ra giáo hóa, cứu độ chúng sinh mà thôi. Thế nhưng các Đấng đều bị bách hại (*persecuted*), không có ngoại lệ. Các Đấng đều ở vào nghịch cảnh “chó cắn Lữ Động Tân”.

Ngày nay, trong Tam Kỳ Phổ Độ vẫn không khác. Mùa xuân năm Tân Sửu, mừng 2 Tết (16-02-1961), trước nỗi niềm tâm sự “Lữ Động Tân bị chó cắn” của một số bậc hướng đạo chân tu trong đạo Cao Đài, Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn giáng cơ tại Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tự, quận 3, Sài Gòn) để an ủi và ban lời dạy như sau:

*“Giờ phút này, Mẹ chan rưới phúc lành cho mỗi trẻ được mát mẻ tâm linh, minh quang trên đường sứ mạng. Mẹ mong mỗi con sẽ tận hưởng được những phút vui tươi trong cửa Đại Đạo. Sự vui tươi của các con hẳn là về tinh thần, chớ xác thịt các con phải chịu nhiều đau thương, tiếng nặng lời cao.*

*“Các con không nên nản dạ khi con gặp điều gì chẳng đẹp lòng con. Con nhớ chớ gương Thánh Nhơn thuở trước? Đương buổi truyền giáo phải chịu biết bao tủi nhục, chúng sanh nào tôn sùng! Nhưng đã vạn đại [muôn đời] mà phương danh [danh thơm] vẫn không phai mờ với sứ mạng của các con.*

*“Hiện tình cũng thế ấy. Giờ phút này con không được thể gian tôn trọng, nhưng hậu đại [đời sau] sẽ ngưỡng thờ.”*

Trở lại với ý nghĩa thành ngữ “Chó cắn Lữ Động Tân” (*Cầu giáo Lữ Động Tân*) của người Hoa, ngày nay trên một số websites nhằm giới thiệu văn hóa Trung Quốc với

phương Tây, thành ngữ này được nhắc tới khá nhiều,<sup>(3)</sup> họ diễn dịch thành ngữ này như sau: *Cầu giáo Lữ Động Tân, bất thức hảo nhân tâm.*<sup>(4)</sup>

Họ dịch sang tiếng Anh là: *A dog biting Lu Dongbin / not being able to recognize a kind-hearted man. The goodness of a person is of no consequence to the ungrateful.*

(Chó cắn Lữ Động Tân / không thể nhận biết được một người tâm lành hạnh tốt. Đức thiện hảo của một người thì chẳng là cái gì quan trọng đối với phường bạc bẽo vong ân.)

\*

Tóm lại, dường như đã thành “nghiệp chướng” chung cho những ai muốn đem tâm huyết ra tận tụy phụng sự thế gian; họ luôn luôn phải sẵn sàng cắn răng nhẫn nại để đón nhận những “phần thưởng” đắng cay, chua chát, đờn đau... mà người thế gian sẽ hào phóng ban tặng.

Xưa đã thế, nay vẫn như thế: Lữ Động Tân luôn luôn bị thế gian xua chó ra cắn!

Chó cắn Lữ Động Tân là một nghịch lý thế gian. Chấp nhận nghịch lý ấy để sống phụng sự đời phải là những người biết noi theo gương bác ái vị tha của Đức Giêsu khi cầu nguyện xá tội cho kẻ dữ: *“Lạy Chúa, xin tha cho họ, vì họ không biết việc họ làm.”* (Luca 23:34)

<sup>(3)</sup> <http://www.chinafanyi.com>, <http://zhidao.baidu.com>, ...

<sup>(4)</sup> 狗咬吕洞宾，不識好人心。

Rất ngạc nhiên thay, có một thanh niên mười chín tuổi là Kent M. Keith lại sớm lãnh hội được triết lý sống với những nghịch lý thể gian! Bây giờ (năm 1968) đang làm sinh viên năm thứ hai tại Harvard College,<sup>(5)</sup> Keith viết “Những Điều Răn Nghịch Lý” (*The Paradoxical Commandments*).

Kinh Thánh Cựu Ước có Mười Điều Răn, Keith cũng đưa ra “mười điều răn”, trong đó có bốn điều nên xem là cách ứng xử đúng mỗi khi lâm vào cảnh “*chó cắn Lữ Động Tân*”.

Bốn điều ấy như sau:

② Nếu bạn làm điều tốt, thiên hạ sẽ buộc tội bạn có động cơ thầm kín. Dầu thế, cứ làm điều tốt.

④ Việc lành bạn làm hôm nay sẽ bị quên lãng ngày mai. Dầu thế, cứ làm lành.

⑨ Bá tánh thật sự cần được giúp đỡ nhưng nếu bạn trợ giúp, có thể họ công kích bạn. Dầu thế, cứ giúp người khác.

⑩ Hãy trao cho đời những gì tốt đẹp nhất bạn có và bạn sẽ nhận lấy sự bội bạc. Dầu thế, cứ trao cho đời những gì tốt đẹp nhất bạn có.<sup>(6)</sup>

04-01-2012

CGvDT số 204, tháng 1-2012

---

<sup>(5)</sup> Harvard College thành lập năm 1636, nằm trong khuôn viên Viện Đại Học Harvard.

<sup>(6)</sup> Xem thêm bài *Triết Lý Sống Nghịch Lý*. (Huệ Khải, *Bắc Cầu Tâm Linh*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2012. Quyển 54 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.)



Ngô Thừa Ân (khoảng 1500-1582)



## CON CHUỘT TRONG TÂY DU KÝ

Nhân vật Tề Thiên Đại Thánh (Tôn Ngộ Không, Tôn Hành Giả) trong tiểu thuyết *Tây Du Ký* đời Minh của Ngô Thừa Ân (khoảng 1500-1582) có tài thiên biến vạn hóa nhờ vào bảy mươi hai phép màu (thất thập nhị huyền công). Đại Thánh từng biến hình ra nhiều thứ bông trái, côn trùng, điều thú, v.v... Đáng kể là Đại Thánh cũng chẳng nề hà khi hóa phép biến thành con chuột.

Chẳng hạn, ở Hồi Tám Mười Tư, Đại Thánh lên vào một tiệm cơm, biến thành con chuột để ăn trộm khăn áo đem về cho mấy thầy trò cải trang làm thường dân, ngõ hầu đi lọt qua ải nước Diệt Pháp (vì vua nước này kỳ thị tôn giáo, đang thi hành chính sách bách hại sư tăng nhà Phật).

Trường hợp khác, Hồi Tám Mười Sáu kể chuyện thầy Đường Tăng bị con beo gấm thành tinh bắt ăn thịt. Con yêu này xưng là Nam Sơn Đại Vương, mấy trăm năm hùng cứ ở núi An Vụ. Trong lúc Đại Thánh đi loanh quanh tìm cách lọt vào động cứu Đường Tăng thì thấy một ngõ sau động, liền hóa ra con chuột chạy xuống khe, lội qua khỏi suối để thám thính.

Tuy Đại Thánh giỏi biến ra chuột, nhưng bản thân lại đâu phép thua một con chuột cống thành tinh. Thật vậy, ở Hồi Hai Mười, dọc đường thỉnh kinh, Đường Tăng bị yêu quái Huỳnh Phong bắt giam trong động núi chờ ăn thịt.

Kể đến, qua Hồi Hai Mười Một, Đại Thánh đánh nhau với Huỳnh Phong (nghĩa là *trận gió vàng*). Con yêu này có tên như thế vì nó có phép thổi ra từ lỗ mũi, miệng và hai mắt trận gió vàng rất lợi hại, gọi là gió thần Tam Muội.

Ngoại trừ Thần Thánh Tiên Phật, không ai sống sót nếu bị gió Tam Muội thổi trúng. Ngô Thừa Ân diễn tả sức tàn hại của gió Tam Muội như sau:

*Đã làm trời đất tối  
Lại thêm quỷ thần kinh  
Gặp núi non cũng sập  
Nhằm người phải bỏ mình.*

Thế nên Tề Thiên Đại Thánh dẫu tài phép cao cường mà bị gió Tam Muội của Huỳnh Phong thổi vào mặt, phải đành đại bại, bung mắt bỏ chạy. Tuy không chết, nhưng hai mắt Đại Thánh đau nhức dữ dội. Giữa chốn rừng núi hoang vu, vô phương kiếm được bác sĩ nhãn khoa nhờ chữa trị.

May thay, tôi đó Hộ Pháp Già Lam biến hóa ra ông lão, đem biểu Đại Thánh thuốc dán *Tam Hoa Cứu Tử*, chế tạo bằng ba thứ bông và chín thứ hột. Nhờ thế, ngủ tới sáng thì hai mắt Đại Thánh khỏi hẳn.

Con yêu Huỳnh Phong lợi hại đến thế, và y chỉ sợ mỗi Bò Tát Linh Kiết. Tiên ông Thái Bạch Kim Tinh hiện xuống, biến hóa ra ông lão, chỉ đường cho Đại Thánh đi về hướng Nam ba ngàn dặm, sẽ thấy núi Tiểu Tu Di, là nơi ở của Bò Tát Linh Kiết.

Bò Tát Linh Kiết nói với Đại Thánh:

- Trước kia Phật Tổ Như Lai cho ta gậy Phi Long và ngọc Định Phong để làm bảo bối không chế Huỳnh Phong. Ta đã từng bắt đặng nó, nhưng vì từ bi nên tha cho nó sống để nó tu hành. Nay nó vẫn không cải hối, xúc phạm đến Đường Tăng, làm ta cũng mang tội lây.

Bò Tát đem gậy Phi Long và ngọc Định Phong cùng với Tề Thiên Đại Thánh cỡi mây bay tới động Huỳnh Phong.

Đến nơi, Đại Thánh xuống khiêu chiến, dụ yêu tinh ra khỏi động. Bồ Tát đứng trên mây, cầm ngọc Định Phong chực sẵn.

Huỳnh Phong đánh với Đại Thánh sơ sịa vài hiệp, rồi quen mừng cũ, xoay mặt về hướng Đông Nam (cung Tốn) hóp gió thổi ra. Trên mây thấy vậy, Bồ Tát Linh Kiết ném ngọc Định Phong xuống thì gió tan, lại quăng thêm gậy Phi Long xuống hóa ra con rồng vàng tám móng, chụp đầu Huỳnh Phong đập vào núi. Y hiện nguyên hình là con chuột cống với bộ lông màu vàng nghệ.

Đại Thánh vung gậy sắt toan đập chết cho hả giận, nhưng Bồ Tát cản lại:

- Đùng giết! Nguyên nó là con chuột cống, tu dưới chân núi Linh Sơn (nơi Phật Tổ ở). Nó uống trộm dầu trước bàn Phật, đèn ấy thiếu dầu lu hoài. Sở Phật Kim Cang bắt giam, nó trốn xuống trần gian làm yêu quái bấy lâu. Bây giờ bắt đặng, ta phải nạp cho Phật Tổ xét xử.

Xét về phương diện dụ ngôn, câu chuyện con chuột cống ăn trộm dầu của Phật Tổ rất thâm thúy.

Núi Linh Sơn là nơi Phật Tổ ở. Ấn dụ này ám chỉ bất cứ một thánh đường của bất kỳ một tôn giáo nào hiện hữu trên thế gian chứ không nói riêng gì đạo Phật.

Phật Tổ vì thế tượng trưng cho bất kỳ vị giáo chủ nào mà tín đồ thờ phụng trong thánh đường của mình.

Dầu thắp đèn trên bàn thờ Phật tượng trưng cho những lễ phẩm hay tài sản vật chất mà tín đồ đem cúng vào thánh sở để giúp người tu có phương tiện tu học và hành đạo giúp đời.

Con chuột cống ăn trộm dầu của Phật tượng trưng những

kẻ giả danh tu hành, núp bóng trong thánh đường để dễ “tham nhũng” những thứ mà tín đồ thành tâm cúng hiến cho đạo.

Con chuột cống thành yêu tinh, xuống trần gian nhiều hại bá tánh. Ấn dụ này ám chỉ những kẻ đội lốt tôn giáo, núp bóng thánh đường làm rối đạo, phá hoại đức tin của tín đồ.

Con chuột cống sở trường phép nổi gió độc làm đau mắt. Ấn dụ này ám chỉ những kẻ giả danh tu hành để thụ hưởng lợi ích vật chất cho bản thân. Chúng thường giới tài “mà mắt” thiên hạ, khiến người đời khó lòng phân biệt hư thật, không thể nhìn rõ giả chân, nhờ thế bọn “chuột cống” mới dễ dàng lợi dụng đức tin của tín đồ mà thâm tóm của cải về cho bản thân.

Trong thư thứ nhất gửi ông Timôthê, Thánh Phaolô viết:

*“Thật thế, cội rễ sinh ra mọi điều ác là lòng ham muốn tiền bạc, vì buông theo lòng ham muốn đó, nhiều người đã lạc xa đức tin và chuốc lấy bao nỗi đau xâu xé.”* (6:10)

Trong đạo Cao Đài có giới răn thứ hai: *Nhì bắt du đạo*. Ngoài ra, Điều thứ Hai Mươi Hai trong Chương Năm của Tân Luật (về Tứ Đại Điều Quy, điều thứ ba) nói rõ: *“Bạc tiền xuất nhập phân minh. Đừng mượn vay không trả.”*

Giới luật quy định như thế là để ngăn ngừa và cấm ngặt bè đảng yêu quái Hoàng Phong đục khoét. Nhưng giữ được giới luật ấy nghiêm minh hay không thì còn tùy ở nội lực tu đức, luyện kỹ của mỗi người trong cửa đạo.

14-01-2008

CGvDT số 1642-1643, ngày 25-01-2008

## CON CỌP TRONG TÂY DU KÝ

### Tây Du Ký nói nhiều về cọp

Tiểu thuyết Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân (đời Minh, thế kỷ 16) dài một trăm hồi (hay chương), chép đầy những chuyện thú vật biến thành yêu quái, trong đó cọp là con vật xuất hiện nhiều hơn cả, được họ Ngô đưa vào tiểu thuyết ở tám hồi Mười Ba, Mười Bốn, Hai Mươi, Ba Mươi, Bốn Mươi Sáu, Sáu Mươi Một, Sáu Mươi Tư, và Chín Mươi Chín.

Hồi Chín Mươi Chín là lúc Quan Âm Bồ Tát tổng kết rằng trong mười mấy năm từ thành Trường An (Trung Quốc) đi sang Lô Âm Tự (đất Phật) để thỉnh kinh, thầy Đường Tăng đã chịu tám mươi tai nạn. Trong số đó, nạn thứ năm là khi thầy vừa mới ra khỏi địa giới nhà Đường (Trung Quốc) thì bị cọp tấn công, và nạn thứ hai mươi ba là bị yêu quái hóa phép biến thầy thành cọp, nhốt trong cũi sắt.

Nạn thứ hai mươi ba được kể tỉ mỉ trong Hồi Ba Mươi. Sau khi đuổi Tề Thiên về núi Hoa Quả, Đường Tăng cùng Sa Tăng và Bát Giới tới nước Bảo Tượng. Vua có công chúa bị con yêu Huỳnh Bào bắt đem về động ép làm vợ. Đường Tăng sai Sa Tăng tới đánh yêu để cứu công chúa nhưng thất bại. Huỳnh Bào bèn trả thù. Hấn vào triều vua không thấy trước mặt vua quan như sau: Có con cọp tu luyện hơn mười năm thành tinh. Gặp Đường Tăng đi thỉnh kinh, nó ăn tươi nuốt sống rồi hóa phép biến ra Đường Tăng, cướp lấy công văn, hộ chiếu của thầy mà lừa gạt nhà

vua. Để chứng minh, y xin nửa chén nước, niệm thần chú, rồi hớp một ngụm phun vào người Đường Tăng. Thầy liền biến thành con cọp gấm và bị nhốt vào cũi sắt.

Nạn thứ năm là việc Đường Tăng suýt bị cọp vồ sau khi vừa ra khỏi cửa ải chót của nhà Đường. May có thợ săn Lưu Bá Khâm kịp thời giết cọp cứu mạng.

Căn cứ theo trình tự diễn tiến trong Hồi Mười Ba, lẽ ra Ngô Thừa Ân nên tính đó là nạn thứ sáu, và nạn thứ sáu phải kể là nạn thứ năm.

Thật vậy, trước khi gặp Lưu Bá Khâm (cuối Hồi Mười Ba), Đường Tăng tới núi Song Xoa, bị sụp hầm của cọp tinh (Dần tướng quân). Hai kẻ tùy tùng bị lũ yêu làm thịt. Đường Tăng được Thái Bạch Kim Tinh cứu thoát. Việc này kể ở đầu Hồi Mười Ba.

Chuyện cọp rừng và cọp thành yêu quái tấn công Đường Tăng không chỉ có bao nhiêu đó.

Hồi Mười Bốn, thợ săn Lưu Bá Khâm hộ tống Đường Tăng tới núi Lương Giới (nghĩa là ranh giới hai nước) rồi chia tay sau khi thầy cứu được Tề Thiên khỏi bị đè dưới núi Ngũ Hành (cũng là núi Lương Giới). Vừa qua khỏi núi, hai thầy trò liền bị cọp đói tấn công.

Hồi Hai Mươi, tới núi Huỳnh Phong, mấy thầy trò Đường Tăng bị cọp từ trên chóp núi phóng xuống chụp (nạn thứ mười ba). Đây là cọp tinh, xưng là Tiên Lộ Hồ, vì nó là tướng tiên phong của chúa yêu Huỳnh Phong.

Hồi Bốn Mươi Sáu, tại nước Xa Trì, Đường Tăng bị yêu cọp lông vàng hóa làm đạo sĩ thách đấu khả năng ngồi lâu, bất động trên đỉnh năm mươi cái ghế xếp chồng lên nhau (nạn thứ ba mươi bốn). Yêu cọp này xưng là đại tiên Hồ



Lục, cùng với hai đồng đảng là yêu nai (tự xưng đại tiên Lộc Lục) và yêu dê (tự xưng đại tiên Dương Lục) được vua nước Xa Trì phong làm ba vị quốc sư.

### Tề Thiên hóa thành cọp

Trên đây là những tai nạn do cọp rừng và cọp thành tinh tấn công. Nhưng Tề Thiên với tài thiên biến vạn hóa của mình có hai lần dùng phép thuật biến hình thành cọp.

Lần thứ nhất (Hồi Sáu Mười Một), Ngưu Ma Vương (con trâu) đấu phép với Tề Thiên. Y hóa ra con cheo, đứng ăn dưới chân núi. Tề Thiên liền hóa ra con cọp, nhảy tới vỗ con cheo.

Lần thứ hai (Hồi Sáu Mười Bốn), mấy thầy trò rời nước Tề Thoại, sáu mươi ông sãi bịn rịn cứ bám theo. Biết họ không đủ sức đi thỉnh kinh, Tề Thiên bèn nhổ một túm lông, niệm chú, ném vãi ra để hóa thành bầy cọp beo dọa cho các sãi bỏ chạy.

### Phục hồ

Như tôi đã luận trong *Giải Mã Truyện Tây Du*, tiểu thuyết Tây Du Ký hàm chứa các ẩn ngữ về hành thiền, tu luyện theo đạo Lão. Con cọp xuất hiện nhiều trong Tây Du Ký gợi nhớ đến thuật ngữ *phục hồ* của các đạo sĩ. Hồ là cọp. Phục hồ là chế ngự cọp dữ.

Đạo Lão xem tinh khí thần là ba món vật báu của con người (*tam bảo, tam bảo*), nhờ đó mà con người tu luyện thành Tiên, trường sinh bất tử. Tinh là tinh trùng, liên quan tới thận, dâm dục. Người tu thiên (hành giả) phải tuyệt dục, giới dâm để *bảo tinh* (không cho xuất tinh ra). Dâm dục làm hao tinh, thân thể suy mòn. Giữ cho tinh vững bền,

không lọt ra ngoài để nuôi dưỡng mạng sống, đạo Lão gọi đó là *cố tinh dưỡng mạng*. Dâm dục phá hoại công đức người tu nguy hiểm đứng vào hàng đầu, vì thế đạo Lão ví nó như cọp dữ.

Có chuyện kể rằng chú tiểu mồ côi được sư phụ nuôi trên núi cao hẻo lánh từ tấm bé. Khi đã lớn, lần đầu tiên được thầy dẫn xuống núi, chú thấy cái gì cũng lạ, nhất là các cô gái trẻ trung xinh xắn. Chú cứ lom lom nhìn theo bóng các cô. Sư phụ dọa: “Cọp đó con! Coi chừng nó ăn thịt!”

Trở về núi, suốt đêm chú trần trọc, thờ dài. Sư phụ hỏi lý do. Chú thành thật khai báo: “Con thấy mấy con cọp đó quá dễ thương. Con cũng muốn cho nó ăn thịt con, thầy ơi!”

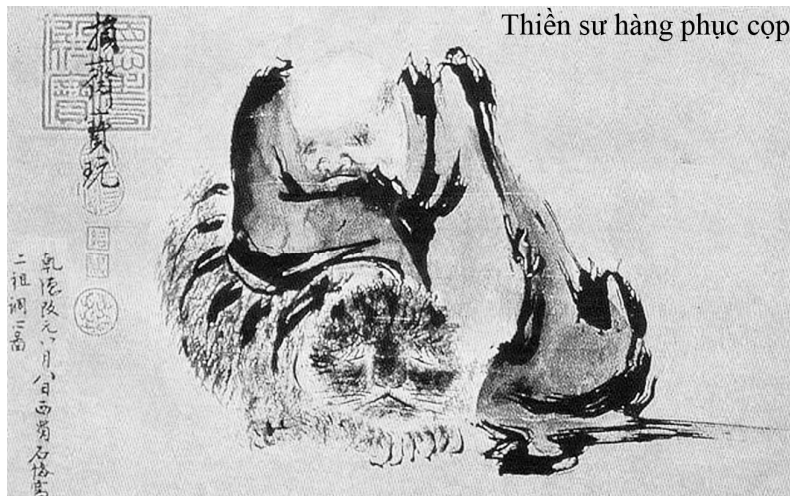
Trở lại chuyện cọp. Theo quan niệm về ngũ hành của đạo Lão, nó thuộc hành kim. Kim sinh thủy, tương đồng với thủy của thận (nơi sinh ra tinh trùng). Kẻ ham sắc dục nhiều vì vậy phải tìm uống thuốc tráng dương bổ thận. Cho nên phục hồ ám chỉ việc người tu thiên phải chế ngự ham muốn sắc dục, giữ gìn tinh trong sạch (nguyên tinh) để luyện đạo.

Tổ sư Tử Dương (đạo Lão) dạy đệ tử có nói: “Thân chẳng động thì hồ gằm. Hồ gằm thì tinh ngưng. Nguyên tinh ngưng thì đủ để bảo toàn hình thể.”

Từ ý nghĩa của phục hồ sẽ hiểu vì sao nhiều tranh thiền vẽ một hành giả ngồi bên con cọp nằm ngủ ngoan hiền.

### Tấm da cọp của Tề Thiên

Truyện Tây Du bằng tranh vẽ Tề Thiên quần ngang thất lưng tấm da cọp. Chuyện này chép trong Hồi Mười Bốn.



Thiên sư hàng phục cạp

Như trên đã nói, Đường Tăng tới núi Lưỡng Giới cứu được Tê Thiên khỏi bị đè dưới núi. Vừa qua khỏi núi, hai thầy trò liền bị cạp đói tấn công. Tê Thiên vội móc thiết bảng giấu trong lỗ tai ra đánh chết cạp, lại nhổ một sợi lông, làm phép biến thành con dao phay lột da cạp, cắt làm hai tấm, cuốn một tấm cát, còn một tấm dùng làm quần, bút gân cạp làm sợi dây lưng.

Đã quy y Phật, đi thỉnh kinh mà Tê Thiên còn muốn chơi hàng độc thời trang ư?

Thật ra đây là một hình ảnh mang tính ẩn ngữ. Tê Thiên còn có tên là Tôn Hành Giả. Hành giả là người tu thiền. Người tu thiền ngoài việc phục hồ còn phải giữ gìn bốn thời khắc tu luyện (hành thiền) trong ngày theo thứ tự là Mẹo, Ngọ, Dậu, Tý. Giờ Mẹo (Mão) từ 5 tới 7 giờ sáng.

Muốn thiền giờ Mẹo, hành giả phải dậy sớm hơn, lo vệ sinh cá nhân, tập thể dục, thường là đi bộ một tiếng đồng

hồ (gọi là kinh hành). Như vậy, hành giả phải thức vào giờ Dần (từ 3 giờ sáng). Dần là cạp.



Sách xưa Trung Quốc có câu “*Nhất nhật chi kế tại ư Dần*” (Kế hoạch trong một ngày phải bắt đầu từ giờ Dần). Điều này chẳng những đúng với những người siêng năng việc đời mà còn rất đúng với nếp sống các hành giả tu thiền.

Đó là lý do Ngô Thừa Ân sắm quần da cạp cho Tê Thiên mặc suốt mười mấy năm hộ tống Đường Tăng đi qua đất Phật thỉnh kinh.

29-01-2010

CGvDT số 182, tháng 02-2010

# CON MÈO TRONG THIÊN THOẠI

Các thiên thoại lưu truyền ở Á Đông có nhắc tới con mèo. Đây là ba chuyện tôi nghe:

## 1. Con mèo nghi thức

Chuyện kể rằng mỗi khi thiên sư và đệ tử bắt đầu hành thiền vào canh ba lại bị con mèo nuôi trong tu viện quấy rầy. Nó hay đi loanh quanh sục sạo, gây tiếng động làm mọi người phân tâm.



Thiên sư bèn ra lệnh hễ đến khuya thì bắt con mèo trói lại, hết giờ thiền mới thả ra. Lệnh này được thi hành nghiêm ngặt.

Sau khi thiên sư tạ thế, người kế vị vẫn giữ nguyên lệnh này. Rồi con mèo già chết đi, người ta nuôi con mèo khác để đến khuya lại trói nó trước khi hành thiền.

Rất nhiều năm trôi qua. Lớp người cũ nối nhau qua đời. Lớp người mới không rõ vì sao cứ phải bắt con mèo trói lại trước khi hành thiền canh ba. Nhưng mọi người đều thành kính duy trì truyền thống này, và hễ mèo chết hay bỏ đi mất thì lập tức tìm con khác thế vào. Ai cũng tin rằng đây là một nghi thức do tổ sư và lớp tiền bối bày ra, ắt phải có mặt nghĩa huyền vi nào đó trợ duyên cho các hành giả tập thiền.

Cuối cùng, trong lớp thiền sinh hậu bối có kẻ vốn ham nghiên cứu, hâm mộ học thuật. Người này bắt đầu dành thời gian để nghiên ngẫm, tham khảo kinh điển để viết

thành một quyển sách nhằm lý giải ý nghĩa cao siêu của việc trói con mèo trước khi hành thiền mỗi đêm khuya.

Câu chuyện này thoát nghe có vẻ hài hước, nhưng nó phản ánh thói quen bắt chước mà không tìm hiểu lý lẽ căn cội của một sự việc. Thói quen này là đầu mối của mê tín.

## 2. Cái đầu mèo chết

Tào Sơn Bản Tịch (840-901), là một thiên sư danh tiếng đời Đường (Trung Quốc), là cao đồ của thiên sư Động Sơn Lương Giới (807-869). Hai thầy trò cùng sáng lập ra phái thiền Tào Động. Người ta giải thích tên phái thiền này ghép chữ *Tào* của trò (Tào Sơn) và chữ *Động* của thầy (Động Sơn). Phái Tào Động truyền sang Việt Nam do thiên sư Thông Giác Thủy Nguyệt (1636-1704).

Chuyện kể rằng một hôm có đệ tử hỏi thiên sư Tào Sơn trên đời này cái gì mới thật là vô giá. Chẳng chút do dự, sư nói ngay:

- Cái đầu con mèo chết.

Đệ tử không khỏi... ú ớ! Nghĩ bụng chắc thầy nghe mình hỏi chưa rõ. Thế nên liền nhắc lại:

- Bạch thầy, con hỏi là trên đời cái gì thật sự vô giá.

Sư điềm nhiên đáp:

- Cái đầu con mèo chết.

Lần này thì tất cả đệ tử có mặt trong giảng đường đều bối rối. Sau cùng, một người làm gan, hỏi vặn lại:

- Bạch thầy, tại sao nó lại vô giá?

Sư đáp:

- Bởi vì không ai biết nó đáng giá bao nhiêu.

### 3. Thiên sư chém mèo

Đời Đường (Trung Quốc) có thiên sư Nam Tuyền Phổ Nguyên (738-835) là thầy thiên sư Triệu Châu Tông Thâm (778-897). Cả hai đều danh tiếng lừng lẫy.

Chuyện rằng một hôm các thầy tăng trong thiên viện chia làm hai phe tranh cãi nhau về một con mèo, làm huyền não, mất cả thanh tịnh nơi tôn nghiêm.

Thiên sư Nam Tuyền bước ra, tóm lấy con mèo trong tay một học trò và giơ lên, bảo:

- Nói đi, nói đi! Nói được thì con mèo này thoát chết. Không nói được thì ta giết nó.

Tất cả môn đồ đều ú ớ chẳng nói nên lời trước tình huống bất ngờ này. Rốt cuộc sư Nam Tuyền chém con mèo làm đôi!

Tối đến, Triệu Châu từ nơi khác trở về thiên viện, vào chào thầy. Sư Nam Tuyền kể lại chuyện xảy ra trong ngày. Nghe xong, Triệu Châu nín thính, lột đôi dép đặt lên đầu, rồi lùi ra ngoài.

Sư Nam Tuyền nói với theo:

- Hồi sáng có trò ở đó thì cứu được con mèo rồi.

Thiên thoại chém mèo dẫn trên trở thành một công án nổi tiếng cho các thiên sinh tham cứu trong nhiều đời, ở nhiều nước Á Đông.

Về việc chém mèo, có người nghi ngờ rằng không thật. Họ bảo sư Nam Tuyền chẳng lẽ phạm giới sát sinh, ắt là sư thả mèo đi chứ không phải mất công chạy vô bếp xách dao phay ra.

Nhưng có người cãi, lý luận rằng quân tử nhất ngôn,

lệnh đã phán rồi thì sư buộc phải thi hành. Sư tuy giết mèo mà vẫn không phạm tội sát sinh vì sư đã đắc đạo, sư không có tâm sát sinh nên không tạo nghiệp sát sinh.

Về việc Triệu Châu lột dép đội lên đầu, có người bàn rằng dép là để mang dưới chân, lấm đất cát dơ bẩn. Đầu là chỗ đội nón, chỗ tôn quý của con người. Lấy dép dơ bẩn dưới chân đội lên đầu là nghịch lý, trái lẽ thường. Vậy thì Triệu Châu ngụ ý rằng tranh cãi là chuyện thị phi thế gian, tôi nay đứng ngoài cuộc. Hễ còn tranh cãi đúng sai là còn kẹt trong thế giới nhị nguyên (*dualistic*). Lấy dép dơ để lên đầu là tâm không phân biệt, tâm nhất như, tâm bất nhị (*nondualistic*), đã thoát ra khỏi nhận thức nhị nguyên.

Tuy nhiên lại có quan điểm khác, cho rằng con người vốn không thấy được bản tánh chân thật của mình vì còn sống với dòng ý thức. Công án thiên tung ra đột ngột là để ném con người vào chỗ bối rối cùng tột, mọi ý thức tư duy hay lý trí thường tình đều tắt ngấm. Trong chỗ ngưng đọng đó, tâm họ sẽ tự vận động đến một lúc cao trào thì sẽ bùng vỡ để họ đạt được cái mà thiên gọi là *ngộ*, *chứng ngộ*. Cho nên, cùng một công án mà mỗi người do căn cơ khác nhau sẽ tìm được đáp án khác nhau. Không có một đáp án chung. Thế thì, cố đem lý luận, kiến thức mà giảng giải công án là sai lầm ngay từ căn bản vì vẫn còn trôi trong dòng ý thức.

08-01-2011

CGvDT số 1793-1794, ngày 28-01-2011

# DỊCH KHÔNG DIỆT

## Tháp Babel hay rào cản ngôn ngữ

Thoạt kỳ thủy nghệ phiên dịch không có. Tại sao thế? Kinh *Cựu Ước*, Sáng Thế Ký 11:1-9, cho biết ban sơ mọi người trên thế gian đều nói cùng một thứ tiếng và dùng những từ ngữ giống nhau, ai cũng dễ hiểu nhau.

Thế rồi con người di chuyển sang phía Đông, định cư tại Shinar. Họ nung gạch, làm hồ để xây một thành phố và một tháp cao tận trời. Con người bấy giờ không muốn bị phân tán khắp mặt đất. Nhưng Đức Chúa xuống xem thành và tháp, rồi Ngài làm cho tiếng nói con người xáo trộn, không ai hiểu ai nữa, lại còn phân tán họ ra khắp nơi trên mặt đất. Cái tháp xây dở dang của họ được đặt tên là tháp Babel.

Do tích này, một số tác giả dùng thuật ngữ *tháp Babel* như biểu tượng của sự bất đồng ngôn ngữ thế gian. Vì thế, các tác giả trên mạng Los Vengadores<sup>(1)</sup> ví những dịch giả phá vỡ rào cản ngôn ngữ là những người có công đục phá tháp Babel.

## Thánh bốn mạng của dịch giả

Chuyện bất đồng ngôn ngữ (qua tích tháp Babel) sớm được chép trong Kinh Thánh, và có lẽ cũng chính Kinh Thánh là một trong mấy “nhân duyên” lớn trong cõi nhân gian đã sớm tạo ra một lực lượng chuyên trách việc dịch thuật. Không biết ở các nền văn hóa khác, ông tổ nghề dịch

<sup>(1)</sup> <http://losvengadores.theavengers.tv>

là ai, riêng đối với các dịch giả Công Giáo thì từ xưa họ đã sớm có vị thánh bốn mạng hay thánh quan thầy (*patron saint*) là Thánh Jerome.

Thánh Jerome là người Hy Lạp, sinh khoảng năm 347, trở về với Chúa ngày 30-9-420, được Tòa Thánh Vatican phong là tiến sĩ Hội Thánh (*doctor of the Church*). Ngài có công dịch Kinh Thánh từ tiếng Hy Lạp và Hebrew sang tiếng Latin, theo lệnh của Đức Giáo Hoàng Damasus I (khoảng 305-383) vào năm 382.

Bản dịch Kinh Thánh của Thánh Jerome được biết với tên gọi *Vulgate*, tương truyền do hai chữ *versio vulgata*, có nghĩa bản văn dịch được phổ biến cho công chúng (*the translation made public*). Giáo Hội Công Giáo từng dùng bản dịch này trong nhiều thế kỷ và Thánh Jerome vẫn được xem là một trong các dịch giả lớn nhất trong lịch sử, mặc dù bản dịch của Ngài ngay khi vừa công bố đã gây ra nhiều tranh cãi. Chẳng rõ Thánh Jerome có liên quan gì tới việc tranh cãi chung quanh câu kinh “*Con lạc đà chui qua lỗ kim*” hay không.

## Con lạc đà hay sợi dây thừng?

Đây là một “điên” (*case*) lý thú thường được giới dịch thuật nhắc tới. Nguyên, trong kinh *Tân Ước*, ba vị thánh tông đồ Luca, Maccô, Matthêu<sup>(2)</sup> đều chép gần giống nhau lời Chúa Giêsu dạy như sau:

“*Quả vậy, con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào nước Thiên Chúa.*” (Luca 18:25)

<sup>(2)</sup> Theo bản dịch của Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ ([www.catholic.org.tw](http://www.catholic.org.tw)).

“Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào nước Thiên Chúa.” (Macco 10:25)

“Thầy còn nói cho anh em biết: Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào nước Thiên Chúa.” (Matthêu 19:24)

Cái lỗ kim bé xíu chỉ đủ xỏ sợi chỉ, hà cớ dắt lạc đà (*camel*) có bứ to tướng đi qua cái lỗ ấy mà chi? Những người rồi việc, không siêng lo học theo kinh để tu dưỡng tâm tánh mà lại hay lý sự thường thắc mắc như thế.

Cuối cùng họ “giải mã” rằng chẳng qua có sự nhầm lẫn của các dịch giả Kinh Thánh. Theo họ, câu này lẽ ra phải là *xỏ sợi dây thừng qua lỗ kim còn dễ...* Giữa *sợi dây thừng* và *sợi chỉ* có sự tương đồng nào đó, như vậy ẩn dụ của Chúa Giêsu mới hữu lý và thâm thúy.

### Ở đâu ra con lạc đà?

Nói có sách, mách có chứng. Những người đòi “hiệu đính” bản dịch Tân Ước tỏ ra rất chịu khó lục lọi sách vở để chứng minh lý lẽ của họ đúng. Họ trưng dẫn nhiều kiểu, nêu ra khá nhiều chứng cứ. Ở đây tạm dẫn lại một trường hợp mà thôi.

Theo họ, chữ *dây thừng*, *dây cáp* (*rope, cable*) trong tiếng Hy Lạp là *kamilos*; nó rất giống chữ *kamêlos* là con lạc đà. Quả thật, *camel* (lạc đà) trong tiếng Anh có từ nguyên Latin là *camêlus*, và *camêlus* bắt nguồn từ gốc Hy Lạp là *kamêlos*. Đó là lý do dịch nhầm!

Sự nhầm lẫn do tự dạng chữ viết na ná nhau như thế xưa nay vốn chẳng lạ. Người học chữ Nho ắt đều nhớ trường hợp chữ *tác* 作 (làm) nhầm với chữ *tộ* 祚 (phúc lành), chữ

*ngộ* 遇 (gặp gỡ) nhầm với chữ *quá* 遇 (làm lỗi).

Nhưng họ có cố biện giải, có ráng chứng minh thế nào thì Kinh Thánh trước sau vẫn cứ giữ nguyên “hiện trạng” là “con lạc đà chui qua lỗ kim”.

Kể ra cũng nên thông cảm cho những kẻ “lý sự” về ý muốn hiệu đính lạc đà (*kamêlos*) thành dây thừng (*kamilos*), bởi họ chỉ muốn dịch phải trung thực, phải chính xác, không được phản bội nguyên tác.

Khi nói dịch mà không phản bội, ai cũng nhớ ngay câu nói Latin quá nổi tiếng: *Traduttore, traditore*.

### Traduttore, traditore.

Xưa nay giới dịch văn thường nhắc tới câu *Traduttore, traditore* như một cảnh báo về tai nạn nghề nghiệp. Người Anh dịch câu này là *Translator, traitor* (người dịch, kẻ phản bội), còn người Pháp dịch là *Traduire, c'est trahir*. Do ảnh hưởng của tiếng Pháp, trong mấy mươi năm qua người Việt quen nói *Dịch là phản*.

Xét ra cách dịch của Anh, Pháp rất khéo vì họ đều lặp lại ba chữ cái “*tra-*” giống như tiếng Latin, chẳng khác gì chơi chữ. Trái lại, cách dịch của người Việt không thể hiện được sự lặp lại này.

Có lẽ đã nhận ra điều chưa khéo ấy, thời gian gần đây người Việt sửa lại: *Dịch là diệt*.

*Diệt* (hủy diệt, tiêu diệt) và *dịch* có hai âm na ná nhau, nên khắc phục được thiếu sót ba chữ cái “*tra-*” xưa kia. Quả là sáng kiến tài tình!

Tuy nhiên không bám sát vào nguyên tác chưa hẳn đã là “diệt”. Câu thơ nổi tiếng của Thôi Hiệu (khoảng 704-754)

trong bài Hoàng Hạc Lâu là “*Yên ba giang thượng sử nhân sầu*”. 煙波江上使人愁. Rõ ràng *nhân* là người ta; *sử nhân sầu* là khiến xui cho người ta buồn. Nhưng Tản Đà (1888-1939) dịch nhân là *ai*, và hạ thủ một câu tuyệt tác: *Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai*. Chữ *ai* này không phải để hỏi, nó là chữ *ai* độc đáo của tiếng Việt như Bà Huyện Thanh Quan than thở: *Khiến ai qua đó chạnh niềm đau*. Và sau khi Tản Đà dịch tới bến tới bờ như thế rồi thì dường như sau ông không còn ai dịch bài thơ Lầu Hạc Vàng hay hơn được nữa! Thế thì, chẳng những không “diệt” Thôi Hiệu mà Tản Đà đã sáng tạo, gieo được dấu ấn rất riêng của mình trong bản dịch. Dịch mà sáng tạo, đó chính là quan điểm của Nguyễn Hiến Lê (1912-1984).

### Dịch khéo cũng là sáng tạo

Trong *Hồi Ký*, Nguyễn Hiến Lê cho biết, khi dịch văn, gặp những chữ *Dieu* hay *God* ông không dịch là *Thượng Đế* hay *Chúa* mà chọn cách gọi xưa nay quen thuộc, tình cảm của đông đảo người Việt là *Trời Phật*. Ông còn xác định:

“... dịch một bài văn, một bài thơ, cũng như diễn một bản nhạc, cũng là làm công việc sáng tạo mặc dầu dịch rất sát không thêm bớt. Dịch giả – nếu có tài – cũng là một nghệ sĩ, và mỗi bản dịch cũng là một nghệ phẩm. Không một bản dịch nào đúng hẳn với nguyên tác; bản dịch nào cũng mang ít nhiều cá tính, tài năng của người dịch, tinh thần của ngôn ngữ người dịch, cũng để lộ tâm tư của người dịch, cái không khí của thời đại người dịch.”<sup>(3)</sup>

<sup>(3)</sup> Nguyễn Hiến Lê, *Hồi Ký*. Nxb Văn Học 1993, tr. 407.

Từ quan điểm cho rằng dịch khéo thì cũng là sáng tạo, hãy quay lại với Kinh Thánh. Ai cũng biết tuyết (*snow*) là tuyết, và dừa (*coconut*) là dừa. Hai thứ khác nhau hoàn toàn (cũng như dây thừng và... lạc đà). Thế nhưng đã có người dám dịch *tuyết* thành *dừa*, mà không hề “diệt” Kinh Thánh.

### Tuyết hay dừa?

Trong một hồi ức, Mục Sư Richard Wurmbbrand (người Romania, sinh 24-3-1909, trở về với Chúa ngày 17-02-2001) kể rằng ông đã từng cố ý dịch sai *Cựu Ước*.

Trong chương 1 Sách tiên tri Isaiah, câu 18, thường được dịch như sau: *Dầu tội các ngươi [đỏ] như hồng điều, sẽ trở nên trắng như tuyết ... (though your sins be as scarlet they shall be as white as snow...)*.

Khi giảng đạo cho người Trung Phi, Mục Sư Wurmbbrand sợ nhớ rằng họ cả đời không thấy tuyết rơi trắng xóa, không có khái niệm tuyết trắng ra sao. Trái lại, với trái dừa thì người Trung Phi nào cũng quá quen thuộc. Thế nên, để cho họ dễ lãnh hội câu kinh Isaiah 1:18, Mục Sư không ngần ngại dịch chệch đi như sau: *Dầu tội các ngươi như hồng điều, sẽ trở nên trắng như cơm dừa ...*

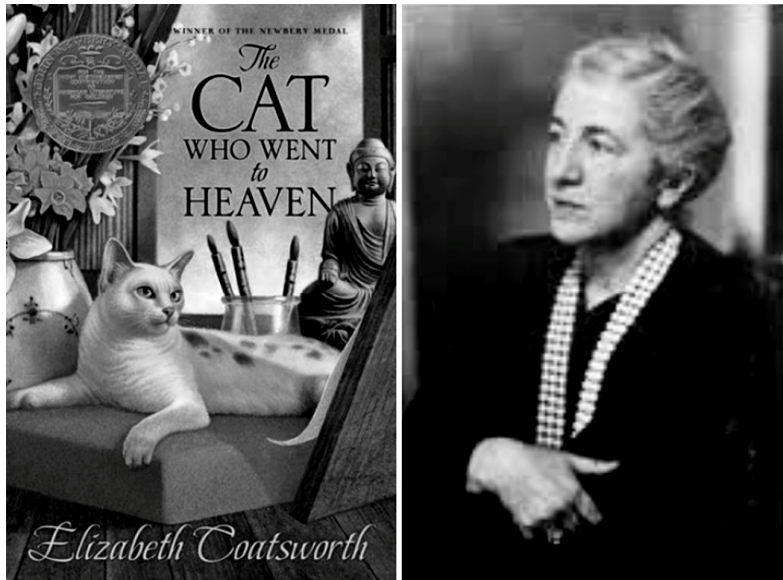
Người Trung Phi không mất công chứng minh ông mục sư “cả gan” này đã “Traduttore, traditore”, mà họ dành thời gian để thực hành sống đạo, sao cho tội lỗi của họ sẽ được gột rửa sạch tinh như màu trắng muốt của miếng cơm dừa mà từ thuở bé đến già, ngày nào họ cũng nhìn thấy, đến quen cả mắt.

30-01-2007

CGvDT số 146, tháng 2-2007



## ĐỌC CON MÈO NHẬP NIẾT BÀN



Elizabeth Jane Coatsworth (1893-1986) là nữ sĩ Mỹ chuyên sáng tác thơ và viết truyện thiếu nhi. Năm 1930 bà xuất bản truyện *The Cat Who Went to Heaven* (Con Mèo Nhập Niết Bàn) dài trên 11.000 từ. Năm 1931 tác phẩm này được thưởng Huy Chương Newbery (*Newbery Medal*).

Giải thưởng văn chương Huy Chương Newbery mang tên John Newbery (1713-1767), người Anh. Ông làm chủ một nhà xuất bản chuyên ấn hành sách dành cho thanh thiếu niên. Ra đời năm 1922, Huy Chương Newbery là giải thưởng văn học thiếu nhi đầu tiên trên thế giới. Giải này

tuyên dương các tác giả có tác phẩm xuất sắc đóng góp cho nền văn học thiếu nhi Hoa Kỳ. Cơ quan tổ chức trao giải là Hội Thư Viện Thiếu Nhi (*Association for Library Service to Children*), một bộ phận của Hội Thư Viện Hoa Kỳ (*ALA: American Library Association*).

Lấy bối cảnh nước Nhật cổ kính, *Con Mèo Nhập Niết Bàn* kể chuyện chàng họa sĩ nghèo và con mèo của anh. Nhân vật thứ ba là bà lão giúp việc, cứ cuối một “hồi” thì bà cất giọng xướng một bài thơ. Thật ra nữ sĩ Coatsworth không chia truyện này ra chương, hồi gì cả, nhưng cả thầy có tám bài thơ như thế.

Truyện tóm tắt như sau:

Chàng họa sĩ nghèo nhờ bà lão giúp việc cầm mấy hào ra chợ mua thức ăn. Nào ngờ bà rước về con mèo tam thể, phân trần rằng nhà cửa quạnh quẽ quá.

Họa sĩ không vui chút nào vì bụng đang đói, và lo lắng rằng nuôi thêm con mèo chỉ tăng thêm tốn kém. Anh nhắc bà nhớ người Nhật từ lâu đời đều tin rằng loài mèo là hiện thân của ma quỷ, yêu quái.

Tuy nhiên con mèo rất ngoan, khiến họa sĩ mau chóng đem lòng thương và đặt tên là Tài Lộc (*Good Fortune*).

Tài Lộc không phải là con mèo tầm thường. Tuy đói, nhưng nó biết dè sẻn phần ăn của mình để dành lại cho bữa sau, như thể thấu hiểu cảnh túng bần của chủ. Họa sĩ còn thấy nó đứng trước tượng Phật tỏ vẻ cung kính đánh lễ Đức Thế Tôn. Có lần vô được con chim, nhưng thay vì ăn cho đỡ đói, Tài Lộc lại thả ra ngay.

Dần dần họa sĩ đem lòng thương mến con mèo bé nhỏ sau khi nhận ra nó có nhiều đức tính mà theo anh thì lắm



người chưa chắc đã sánh kịp.

Các nhà sư trong vùng cần thuê một họa sĩ trang trí cho bức tường lớn trong chánh điện. Không biết nên chọn ai, họ viết tên từng họa sĩ lên một mẫu giấy nhỏ rồi ghim hết trước pho tượng Phật lớn nhất trong chánh điện.

Đêm đến, gió thổi các mẫu giấy bay tứ tán, duy chừa lại một mẫu có tên họa sĩ nghèo.

Sáng ra, tận mắt chứng kiến như thế, các nhà sư tin rằng Đức Phật đã chọn giúp họ một người tài đức, xứng đáng. Thế nên họa sĩ được nhà chùa ứng trước một khoản tiền kha khá, đủ để anh an tâm tập trung vẽ bức tranh hoành tráng miêu tả cảnh Đức Thích Ca nhập Niết Bàn, chung quanh nơi Phật Tổ nằm có rất nhiều loài thú đến châu kính.

Trong quá trình vẽ tranh, họa sĩ thường tham thiền, quán tưởng về cuộc đời Đức Phật để cho từng nét cọ đều có thần khí.

Họa sĩ đưa vào tranh rất nhiều loài thú, nhưng không vẽ con mèo, vì vẫn nhớ rằng dân tộc Nhật nguyên rửa loài mèo bởi chúng kiêu hãnh và trịch thượng nên không chịu kính bái Đức Phật khi Như Lai còn tại thế. Do đó, loài mèo không được phép léo hánh, bén mảng bên cạnh Đấng Thế Tôn lúc Ngài nhập Niết Bàn.

Tranh vẽ hoàn tất. Tài Lộc mon men đến xem và bộc lộ nỗi buồn thâm trầm vì không thấy có con mèo nào trong tranh.

Chẳng thể cầm lòng trước dáng vẻ thiếu nã của Tài Lộc, họa sĩ rút cuộc đã cầm cọ vẽ thêm một con mèo bé xíu ở góc tranh, vì không còn chỗ trống nào khác hơn. Thâm tâm anh thừa biết bức tranh tuyệt đẹp của mình sẽ bị nhà

chùa từ chối, vì sự yếu lòng này.

Nhưng Tài Lộc rất mãn nguyện. Rồi nó nằm chết yên lành, và được chôn tử tế.

Dưới đây là đoạn kết chuyện *Con Mèo Nhập Niết Bàn*.

### **ĐOẠN KẾT TRUYỆN CON MÈO NHẬP NIẾT BÀN<sup>(1)</sup>**

Nghe nói tranh đã vẽ xong, sáng hôm sau sư trụ trì liền ghé nhà. Chào hỏi mấy câu, họa sĩ đưa sư đến xem tác phẩm.

Sư chăm chú xét nét tỉ mỉ, rồi nói khẽ:

- Đẹp quá!

Bất chợt, sư sa sầm nét mặt, hỏi:

- Anh vẽ con gì thế kia?

- Con mèo.

Họa sĩ trả lời, lòng não nề trĩu nặng.

Sư nghiêm nghị bảo:

- Anh không biết ư? Loài mèo từng bắt kính Đức Thế Tôn nên không được nhận phúc lành của Phật, và không được phép vào cõi Niết Bàn.

Họa sĩ đáp:

- Thưa thầy, tôi biết.

Sư nói:

---

<sup>(1)</sup> Tôi dịch phần cuối truyện, bản tiếng Anh dài 514 từ. Bản dịch này đã đăng nguyệt san *Công Giáo Và Dân Tộc* số 193, tháng 01-2011. Phần suy niệm tiếp theo bản dịch tôi mới bổ sung năm nay (25-7-2012).

- Mỗi người phải chịu nghiệp quả do mình gây ra. Con mèo phải lãnh nghiệp của nó, và anh phải lãnh nghiệp của anh. Vì không thể xóa chỗ đã vẽ, ta sẽ đem tranh đi và mai sẽ chánh thức thiêu hủy. Chùa sẽ treo tranh của một họa sĩ khác.

Suốt ngày bà lão giúp việc khóc thầm trong bếp, vì lẽ con mèo bé bỏng bà mang về đã làm hại cậu chủ.

Suốt ngày họa sĩ ngồi trong phòng nghĩ ngợi. Tác phẩm của anh đã bị lấy đi, cùng với một phần đời anh gói gắm trong đó. Mai các nhà sư sẽ thiêu hủy tranh trong sân chùa. Từ nay lại càng thêm vắng người tìm tới anh mua tranh. Anh tiêu rồi, và mọi hy vọng cũng tan thành mây khói. Nhưng anh không hối tiếc việc mình làm. Trong rất nhiều ngày qua anh đã sống trong suy niệm về tình thương và những gương hy sinh, thế nên anh chẳng quá đau khổ khi phải đánh đổi cho Tài Lộc được hưởng khoảnh khắc cực lạc.

Suốt đêm anh ngồi trong bóng tối, mắt mở thao láo với bao nỗi suy tư. Bà lão giúp việc không dám quấy rầy. Anh thấy tia sáng nhợt nhạt len qua màn và nghe tiếng gió lùa qua kẽ lá. Một giờ sau, anh nghe tiếng chân rầm rập chạy về nhà mình. Các nhà sư vây quanh anh, vị trụ trì giật giạt tay áo anh.

Họ cứ kêu to:

- Tới mau! Tới mau! Tới đi anh! Thật là phép lạ! Ôi, lòng bao dung của Đức Phật! Ôi, lòng từ bi của Đấng Thế Tôn!

Sửng sốt không kịp thở, họa sĩ tức tốc chạy theo họ về chùa. Tất cả mọi người ùa vào chánh điện. Các nhà sư đã

treo tranh anh lên, bày nhang đèn phía trước. Tranh vẫn y nguyên như anh đã vẽ, nhưng mà không!

Họa sĩ quỳ sụp xuống, khóc:

- Ôi, Đức Từ Bi!

Vì chỗ anh vẽ con mèo giờ đây chỉ phơi ra nền lụa trắng, cơ hồ chưa từng có vết mực nào chạm tới; và Đức Phật – Đức Như Lai anh đã vẽ với hai bàn tay khép lại đặt trên ngực – bây giờ đang duỗi cánh tay ra ban phước. Bên dưới bàn tay Đấng Thế Tôn con mèo bé bỏng khép nép quỳ, cái đầu trắng xinh xắn cúi xuống với vẻ cung kính, an lạc.

### **SUY NIỆM VỀ TRUYỆN *CON MÈO NHẬP NIẾT BÀN***

Câu chuyện đạo lý thâm thúy trên đây do một nữ sĩ người Mỹ viết cho thiếu nhi đọc.

Tôi biết truyện này khoảng bốn mươi năm trước, thuở còn cắp sách đến trường trung học Hồ Ngọc Cẩn (gần chợ Bà Chiểu). Tuổi thiếu niên, đọc bản dịch trên một tờ tuần báo thì chỉ biết thích thú với cốt chuyện nhẹ nhàng, tao nhã, ly kỳ. Vậy thôi.

Trải qua một thời dẫu biến, những sách báo ngày xưa không còn giữ được, nhưng tinh thoảng hồi niệm năm tháng tuổi xanh làm con một sách, tôi vẫn không quên câu chuyện nước ngoài. Tôi cảm nhận nó không chỉ là truyện thiếu nhi. Gờn gợn trong tôi một ý nghĩa đạo học mà câu chuyện hàm ngụ.

Muốn đọc lại truyện, tôi thử gõ vài từ khóa (*key words*) vào công cụ tìm kiếm Google thì dễ dàng tìm được khá nhiều websites đăng tải trọn vẹn nguyên bản tiếng Anh danh tác của nữ sĩ Elizabeth Jane Coatsworth.

Thế là tôi dịch (ngày 07-01-2011), để giới thiệu một câu chuyện đạo lý, và chia sẻ một vài suy niệm của mình.

Theo giáo lý Cao Đài, Thượng Đế là khối Đại Linh Quang, mỗi loài trong vũ trụ là một điểm tiểu linh quang chiết ra từ Thượng Đế. Trong *Đại Thừa Chơn Giáo*, bài *Nhơn Vật Tán Hóa*, Thầy gọi điểm linh quang đó là “*một điểm nguyên hồn*”. Thầy dạy:

“*Luật tán hóa của thảo mộc, thú cầm, Nhơn loại, nó từ từ tăng tiến mãi, nhưng cũng có thoái hóa vậy.*”

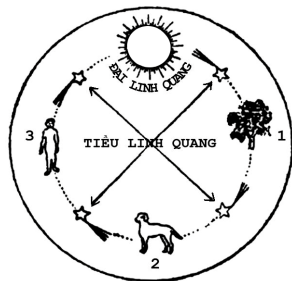
*Các con nghe: Như loại thảo mộc cũng có thọ nơi Thầy một điểm nguyên hồn. Nó cũng sống, nhưng trí hóa khờ ngây.*

*Các con coi đó, từ thảo mộc bắt đầu lên cho chí loài người, nó có ba cái phép:*

- 1. Như thảo mộc thì cái gốc trở xuống, ngọn day lên (gốc đầu, ngọn chơn).*
- 2. Rồi nó tán hóa đến bực thú cầm thì cái đầu, cái đuôi ngang nhau.*
- 3. Thú cầm qua Nhơn loại thì cái đầu trở lên trên cái chơn xuống dưới.*

*Ấy là ba phép.*

*Vậy từ thảo mộc có một phần hồn. Thảo mộc tán hóa mãi, muôn vạn kiếp mới bước sang qua thú cầm thì từ thú cầm đã đặng hai phần hồn. Thú cầm mới dần dần tán hóa mãi, trăm, ngàn, muôn kiếp lên đặng làm người thiệt là*



*trăm đặng ngàn cay, muôn thảm vạn sâu, biết bao nhiêu là công phu khổ hạnh, xả thân giúp đời một cách khó khăn cực nhọc, nhưng cũng vui lòng, mãn kiếp nọ sang kiếp kia, cứ lập công quả mãi.”* <sup>(2)</sup>

Những con vật đã tiến hóa nhiều thì khôn lanh, biết yêu thương chủ nuôi, giúp đỡ chủ... Riêng con mèo trong truyện của Elizabeth Jane Coatsworth lại có trình độ tiến hóa tâm linh khác thường. Chứng kiến những biểu hiện tiến hóa của con vật mà lúc đầu anh đã có thành kiến và không muốn nuôi dưỡng, họa sĩ tự trách: “*Ta xấu hổ khi nghĩ rằng ta đã gọi một con mèo ngoan như thế là yêu tinh. Nó còn đức hạnh hơn một thầy tu.*” <sup>(3)</sup>

Tóm lại, câu chuyện của Coatsworth là một minh họa thú vị về sự tiến hóa ở loài vật. Nó cũng soi tỏ cho ta hiểu rõ thêm vì sao người tu hành không được sát sanh, và nên giữ giới ăn chay. Sát sanh phạm đức hiếu sinh của Thầy và cản đường tiến hóa của con vật. Đức Chí Tôn dạy:

“*Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm, gọi là chúng sanh. Chi chi hữu sanh cũng do bởi chơn linh Thầy mà ra. Hễ có sống ắt có Thầy.*” <sup>(4)</sup>

CGvDT số 193, tháng 01-2011 / Bồ túc 25-7-2012

<sup>(2)</sup> *Đại Thừa Chơn Giáo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2011, tr. 156-157. Quyển 36 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

<sup>(3)</sup> “*I am ashamed when I think that I called such a cat a goblin,*” he thought. “*Why, she is more virtuous than a priest.*”

<sup>(4)</sup> *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, bài Bất Sát Sanh.

## ĐỌC SỢI TỜ NHẬN

*Thầy đã nói cho các con hay trước rằng  
nếu các con không tự lập ở cõi thế này,  
là cái đời tạm của các con,  
thì Thầy cũng không bằng ẵm các con  
mà đỡ lên cho đặng.<sup>(1)</sup>*

Đức Chí Tôn



Giới Xuyên Long Chi Giới (1892-1927)

<sup>(1)</sup> *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển II, đàn ngày 15-4-1927.

Giới Xuyên Long Chi Giới <sup>(2)</sup> sinh ở Đông Kinh <sup>(3)</sup> ngày 01-3-1892, uống thuốc độc quyên sinh và mất ở Đông Kinh sáng sớm ngày 24-7-1927. Trong ba mươi lăm năm, ông hầu như sống hoàn toàn ở Đông Kinh, khoảng mười tám năm ở nhà trường và chừng mười một năm hầu như ở bàn viết với độ hai trăm truyện ngắn.

Theo truyền thuyết, vì sinh vào giờ Thìn, ngày Thìn, tháng Thìn, năm Nhâm Thìn nên ông được cha đặt tên là *Long Chi Giới* (giữa loài rồng).

Lúc còn thơ, ông được giao cho người bác không con nuôi dưỡng. Mới học lớp Ba, Giới Xuyên Long Chi Giới đã tìm được tập phác thảo của Đức Phú Kiện Thứ Lang, <sup>(4)</sup> nhan đề *Thiên Nhiên Và Đời Người*. <sup>(5)</sup> Cậu bé đọc say mê và từ đó có lòng ham thích văn chương. Ông được giới thiệu vào trường trung học ở Đông Kinh không phải qua thi tuyển, rồi tốt nghiệp hạng danh dự và vào Đại Học Hoàng Gia Đông Kinh. Tại đây, ông học văn chương Anh, tốt nghiệp năm 1916. Ông đã khước từ chức giáo sư tại Đại Học Hoàng Gia Cửu Châu. <sup>(6)</sup> Cửa nhà ông luôn luôn treo bảng cáo bệnh để tạ khách, vì ông muốn dành nhiều thời gian đọc sách.

Năm 1914, ông đăng truyện ngắn đầu tiên trên tạp chí văn học *Tân Tư Triều*, <sup>(7)</sup> nhưng không được chú ý lắm.

<sup>(2)</sup> Akutagawa Ryunosuke 芥川龍之介

<sup>(3)</sup> Tokyo 東京

<sup>(4)</sup> Tokutomi Roka 徳富健次郎

<sup>(5)</sup> *Shizen to Jinsei* 自然と人生 (Tự Nhiên Tô Nhân Sinh)

<sup>(6)</sup> Kyushu 九州

<sup>(7)</sup> *Shinshicho* 新思潮 (Làn Sóng Tư Tưởng Mới)

Năm 1915, ông đăng hai truyện ngắn trên tạp chí *Đế Quốc Văn Học*.<sup>(8)</sup> Truyện thứ hai nhan đề *La Sinh Môn*<sup>(9)</sup> nổi tiếng gần như gắn liền với tên tuổi ông, và được quay thành phim. Tháng 5-1917 ông xuất bản tập truyện đầu tay, nhan đề chung cho cả tập là *La Sinh Môn*.

Truyện *Sợi Tơ Nhện*<sup>(10)</sup> viết xong ngày 16-4-1918, được đăng trên một tạp chí dành riêng cho thanh niên. Năm 1930, Glenn W. Shaw (1886-1961) chọn trong hai trăm truyện của Giới Xuyên Long Chi Giới, tuyển lấy mười một truyện và cô dịch sát nguyên tác, rồi giao cho nhà xuất bản *Bắc Tinh Đường Thư Điểm*<sup>(11)</sup> ấn hành với nhan đề *Tales Grotesque and Curious* (Truyện Truyền Kỳ).

*Sợi Tơ Nhện* (The Spider's Thread) là truyện thứ sáu trong tập văn dịch của Glenn W. Shaw. Tôi chuyên ngữ và chú thích ngày 21-5-1993; đã đăng *Văn Hóa Và Đời Sống* số 26, tháng 9-1993. Bản dịch này đăng lại trên nguyệt san *Công Giáo Và Dân Tộc* số 141, tháng 9-2006.

Nay tôi kết tập vào hiệp tuyển *Hòa Diệu Liên Tôn*, viết thêm lời suy niệm ở cuối truyện, gọi là thử chia sẻ một góc nhìn về chiều sâu tâm linh ẩn tàng trong một danh tác xứ Phù Tang.

\*

<sup>(8)</sup> *Teikoku Bungaku* 帝國文學

<sup>(9)</sup> *Rashomon* 羅生門

<sup>(10)</sup> *Tri Thù Nô Mịch* 蜘蛛の糸 (*tri thù*: con nhện; *mịch*: sợi tơ).

<sup>(11)</sup> Hokuseido 北星堂書店. Đây là một trong nhiều nhà xuất bản danh tiếng của người Nhật chuyên in sách tiếng Anh.

## MỘT

Hôm ấy Đức Phật một mình nhẹ gót bên bờ ao sen ở cõi Niết Bàn.

Những đóa sen rộ nở trong ao, tất cả đều trắng ngần như châu ngọc, và ở tâm hoa cánh nhụy vàng không ngừng tỏa hương thơm bát ngát khung trời.

Ở cõi Niết Bàn bấy giờ là buổi sáng.

Giờ đây Đức Phật đứng yên lặng bên bờ ao, và qua một khoảng hở giữa đám lá che phủ mặt nước, Ngài chợt nhìn thấy cảnh quan ở dưới.

Bởi lẽ địa ngục nằm ngay bên dưới ao sen của cõi Niết Bàn, con sông Tam Đồ<sup>(12)</sup> và ngọn núi Đào<sup>(13)</sup> có thể nhìn thấy rõ qua làn nước trong suốt như pha lê, như qua ống

<sup>(12)</sup> Sông Tam Đồ (*Sanzu no Kawa*: 三途川 Tam Đồ xuyên): Con sông có ba chỗ phải vượt qua – chỗ cạn, chỗ sâu, và chỗ sâu nhất. Sau khi chết bảy ngày, hồn người chết phải vượt qua con sông này. Hồn nào xấu xa, tội lỗi nhất sẽ phải vượt sông ở chỗ sâu nhất. (Theo *Japanese-English Buddhist Dictionary*, Daito Shuppansha – Từ Điển Phật Giáo Nhật-Anh, Đại Đông xuất bản xã, 1965, tr. 261.)

Tam đồ còn được giảng là ba đường khổ: ① *Hỏa đồ*: đường đưa tội nhân tới ngục lửa; ② *Huyết đồ*: đường đưa tội nhân tới ngục máu, ở đó tội nhân xâu xé nhau như thú vật; ③ *Đào đồ*: đường đưa tội nhân tới ngọn núi trên đó mọi ngọn cỏ hay lá cây đều là lưỡi dao, lưỡi kiếm bén ngọt. (*A Dictionary of Chinese Buddhist Terms*. Buddhist Culture Service – Trung-Anh Phật Học Từ Điển, Phật Giáo Văn Hóa Phục Vụ Xứ. Đài Bắc, Đài Loan: 1962, tr. 62.)

<sup>(13)</sup> Núi Đào (*Hari no Yama*: 刀山 Đào sơn): Xem chú thích 12.

viễn kính.

Rồi Đức Phật nhìn thấy một người tên Kandata, đang quần quai cùng các tội nhân khác ở tận cùng địa ngục.

Gã Kandata này là tướng cướp, xưa kia đã làm nhiều điều ác, sát sinh hại mạng và phóng hỏa đốt nhà, tuy nhiên y được ghi công đức một việc thiện. Có lần trên đường xuyên qua rừng sâu, y chú ý tới một con nhện bé nhỏ đang bò dọc theo vệ đường.

Giờ chân lên thật lẹ làng, y sắp sửa giẫm chết con vật thì bất chợt nghĩ rằng “Thôi đừng, nhỏ nhít như nó cũng có linh hồn; giết bừa nó đi thì thật xấu hổ.” Và y đã tha chết cho con nhện.

Khi nhìn xuống cõi địa ngục, Đức Phật nhớ lại cái cách Kandata tha mạng con nhện. Đức Phật nghĩ rằng, nếu có thể được, để báo đền cho việc thiện ấy, Ngài muốn đưa y thoát ra khỏi địa ngục. May sao, lúc nhìn quanh, Ngài bắt gặp một con nhện của cõi Niết Bàn đang giăng sợi tơ như bạc xinh đẹp trên đám lá sen ánh một màu thanh bình yên ả.

Đức Phật nhẹ nhàng nâng lấy sợi tơ nhện trên tay, và Ngài thả cho sợi tơ buông thẳng xuống tận cùng địa ngục xa tít bên dưới, xuyên qua khoảng trống giữa những đóa sen trắng ngần như ngọc.

## HAI

Kandata đang ngụp lặn cùng các tội nhân khác trong ao Máu<sup>(14)</sup> ở nơi tận cùng địa ngục.

---

<sup>(14)</sup> Ao Máu (Huyết trì): Tại ngục máu, còn gọi Huyết Ô trì

Khấp chôn tối đen như mực, và thỉnh thoảng khi thoáng có gì hiện lên trong chỗ tối om ấy, hóa ra lại là ánh chớp lập lòe của đầu mũi gươm, mũi kiếm trên ngọn núi Dao rợn người, thế nên hãi hùng khôn xiết. Hơn nữa, sự im lìm mộ địa đang ngự trị khắp nơi, và cái duy nhất thỉnh thoảng còn có thể nghe thấy là tiếng thở dài yếu ớt của các tội nhân.

Ấy bởi vì tội nhân khi xuống đến chốn này đều đã kiệt lực do muôn vạn cực hình của cõi địa ngục và họ không còn hơi sức nào để kêu gào.

Thế nên, dù là tướng cướp dữ dằn chẳng nữa, Kandata cũng ngạt thở vì máu, chẳng thể làm gì khác hơn là giãy giụa trong ao Máu như một con nhái đang giãy chết.

Nhưng thời cơ của y đã đến. Một hôm khi tình cờ ngẩng đầu lên nhìn vòm trời bên trên ao Máu, Kandata trông thấy từ trên cao, mãi tận các tầng trời thăm thẳm, thông xuống chỗ y một sợi tơ nhện trắng như bạc, lấp loáng lờ mờ trong bóng tối âm u tịch mịch dường như thể nó cũng sợ bị người ta bắt gặp.

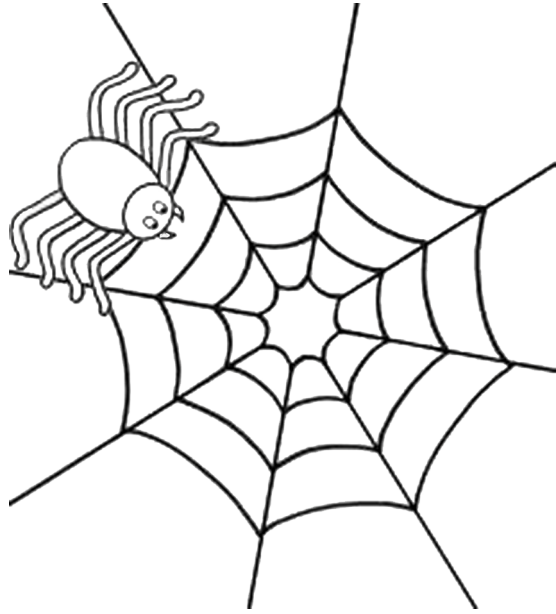
Nhìn thấy sợi tơ, y vỗ tay vui mừng. Nếu bám vào sợi tơ này mà leo lên đến tận chỗ nó xuất phát thì chắc chắn y có thể thoát khỏi địa ngục.

Hơn thế nữa, nếu mọi sự suôn sẻ, thậm chí y còn có thể vào được cõi Niết Bàn. Vậy thì y sẽ không bao giờ bị xô lên núi Dao hay đắm chìm trong ao Máu.

Ngay khi trong đầu nảy ra những ý nghĩ này, y nắm chặt lấy sợi tơ bằng cả hai tay và bắt đầu dốc toàn lực leo riết lên.

---

血鳥池. (*Trung-Anh Phật Học Từ Điển*, tr. 221.)



Vốn là tướng cướp, y quá đổi thành thạo với những việc leo trèo như thế.

Nhưng địa ngục cách Niết Bàn hàng hà sa số dặm và có nỗ lực như y thì cũng không dễ gì thoát ra được. Sau khi leo được một lúc, cuối cùng y kiệt sức và không thể nhích thêm được lấy một phân.

Thế là, vì chẳng thể làm được gì khác hơn, y dừng lại dưỡng sức và đu mình vào sợi tơ, nhìn xuống, nhìn xuống tận bên dưới. Ngạc nhiên biết bao, nhờ y đã leo tận lực, ao Máu nơi y từng lặn hụp trong đó bấy giờ đã khuất chìm tận bên dưới trong bóng tối hun hút. Ngọn núi Dao rợn người lấp lánh mờ mờ bên dưới y. Nếu cứ leo lên với tốc độ này, y có thể ra khỏi địa ngục dễ dàng hơn y tưởng.

Xoắn bàn tay vào sợi tơ nhện, Kandata cười ha hả và bằng cái giọng mà y chưa hề thốt lên trong ngàn ấy năm, kể từ khi xuống địa ngục cho tới nay, y hét to:

- Thành công rồi! Thành công rồi!

Nhưng bỗng dưng y chú ý thấy rằng ở bên dưới sợi tơ nhện cơ man tội nhân khác cũng đang hăm hở leo lên theo sau y. Họ nhích lên, nhích lên, giống hệt như một đàn kiến diễu hành.

Mục kích cảnh tượng này, Kandata chỉ biết chớp chớp mắt một lúc, miệng há hốc ra một cách ngốc nghếch trong nỗi thăng thốt kinh hãi.

Sợi tơ nhện mỏng manh đường ấy, tưởng đâu chỉ với riêng một mình y thôi cũng phải đứt phụt rồi, cơ sao nó chịu đựng nổi sức nặng của cả ngàn ấy thân hình kia chứ?

Nếu sợi tơ đứt phụt giữa lưng trời, thì kể cả chính y, sau bao công lao khó nhọc mới leo tới được chỗ này, y cũng sẽ phải cắm lộn đầu rơi ngược xuống địa ngục trở lại. Nếu xảy ra sự việc như thế thì khiếp đảm quá.

Nhưng trong thời gian đó hàng trăm hàng ngàn tội nhân vẫn đang giãy giụa thoát ra khỏi ao Máu tối tăm và đang tận lực leo lên thành hàng trên sợi tơ mỏng manh lấp lánh. Nếu y không mau lẹ có hành động gì, sợi tơ chắc chắn sẽ phải đứt lìa, rớt xuống. Bởi thế, Kandata hét toáng lên:

- Nè lũ tội nhân chúng bay! Sợi tơ này là của tao. Ai cho phép chúng mày leo lên đây? Xuống đi! Xuống đi!

Ngay đúng lúc ấy, sợi tơ nhện cho tới bấy giờ vẫn chưa có dấu hiệu gì là sẽ đứt, thỉnh thoảng đứt lìa ngay tại chỗ Kandata đang đeo bám vào.



Thế là y vô phương cứu rồi. Chẳng kịp kêu lấy một tiếng nào, y cảm lộn đầu lao vút xuống rơi vào bóng tối, người y quay tít như cái bông vụ.

Sau đó, chỉ còn sợi tơ nhện của cõi Niết Bàn, mỏng manh và lấp lánh, lơ lửng treo giữa khung trời chằng ánh trắng sao.

## BA

Đứng trên bờ ao sen của cõi Niết Bàn, Đức Phật chăm chú theo dõi mọi sự diễn ra, và khi Kandata như một hòn đá chìm lìm xuống đáy ao Máu, Ngài lại thông thả bước đi với nét buồn buồn trên khuôn mặt.

Hẳn nhiên trái tim lạnh lùng của Kandata không sao cứu được y thoát khỏi địa ngục, và y đã nhận lấy sự trừng phạt đích đáng mà rơi trở xuống chốn đọa đày. Ánh mắt Đức Phật bộc lộ nỗi xót thương, nhưng trong ao kia những đóa sen trắng ngần của cõi Niết Bàn chẳng hề quan tâm chi những việc như thế cả.

Những đóa sen trắng ngần như châu ngọc đang đung đưa mơn man đôi bàn chân Phật. Khi hoa lất lay qua lại, từ những cánh nhị vàng ở tâm hoa, hương thơm ngào ngạt không ngừng tràn ngập khung trời.

Ở cõi Niết Bàn bây giờ là gần trưa.

## SUY NIỆM VỀ TRUYỆN SỢI TƠ NHỆN

Truyện *Sợi Tơ Nhện* phản ánh một trong những triết lý căn bản của đạo Phật là nghiệp (*karma*): Con người gieo nhân nào thì gặt quả đó; con người đã tạo nghiệp thì không trốn tránh được sự báo ứng.

Trong “*Thư Gửi Tín Hữu Galát*” (6:7), Thánh tông đồ Phaolô cũng viết:

“*Thật vậy, ai gieo giống nào thì sẽ gặt giống ấy.*”

Kết thúc truyện *Sợi Tơ Nhện* là một bi kịch: Đức Phật dù quyền năng tối thượng và từ bi vô cùng cũng chỉ có thể ngậm ngùi cảm thương chứ không thể cứu được kẻ đang phải trả nghiệp.

Không hiểu rõ ráo về nghiệp, người ta sẽ tưởng lầm rằng tác giả Giới Xuyên Long Chi Giới dám “chê” Đức Phật. Nhưng đây chính là luật công bình của vũ trụ. Luật này Đức Lão Tử gọi là Đạo, và dạy:

“*Trời đất không có lòng nhân, coi muôn vật như chó rom. Thánh nhân không có lòng nhân, coi trăm họ như chó rom.*”<sup>(15)</sup>

Đức Khổng Tử răn:

“*Mắc tội với Trời thì không thể cúng vái ai để giải tội được.*”<sup>(16)</sup>

Tóm lại, đã tạo nghiệp thì tất yếu phải trả nghiệp. Đó là lý do người tu hành đều sợ làm ác, đều lo làm lành. Trái lại, kẻ thế gian quyền uy và thế lực ngất trời nếu không tin vào luật nghiệp báo nhân quả, thì tay họ sẵn sàng “nhúng chàm” vì biết rằng luật đời không bao giờ chạm được vạt áo của họ, và họ có thể kiêu ngạo bắt chước ai đó bên Tây

---

<sup>(15)</sup> *Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sở cầu. Thánh nhân bất nhân, dĩ bách tính vi sở cầu. 天地不仁, 以萬物為芻狗. 聖人不仁, 以百姓為芻狗. (Đạo Đức Kinh, chương 5)*

<sup>(16)</sup> *Hoạch tội ư Thiên, vô sở đảo dã. 獲罪於天, 無所禱也. (Luận Ngữ, thiên 3: Bát Dật)*



thốt rằng “*La loi, c’est moi!*” – Luật pháp là ta!

Hơn thế nữa, truyện *Sợi Tơ Nhện* còn giúp người học đạo hiểu thấu suốt lời dạy của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư:

“*Sự giải thoát không phải đợi đến rũ bỏ nhục thể linh hồn mới được giải thoát.*”<sup>(17)</sup>

Nghĩa là người tu phải lo giải thoát cho bản thân ngay khi còn đang sống giữa trần gian.

Kandata dẫu chết rồi vẫn còn nguyên vẹn lòng tham lam ích kỷ. Lúc y chưa khởi phát lòng ích kỷ tham lam, sợi tơ nhện mỏng manh nhờ phép lực của Đức Phật nên vẫn thừa sức bền dai cho cả chùm tội nhân và y đeo bám rất lâu. Nhưng lòng phàm tục của y vừa mới nổi lên thì sợi tơ liền đứt phụt, phép Phật vô biên hóa ra vô hiệu. Phật dẫu đại từ đại bi, thần thông đến mấy cũng đành bó tay!

Chúng ta lại nhớ tới truyện *Thất Chân Nhân Quả*.<sup>(18)</sup> Hồi Thứ Mười Tám kể rằng đạo sĩ Lưu Trường Sinh đi tới đất Lỗ, tu luyện ở núi Thái Sơn ba năm, đắc thành chánh quả, có được thần thông. Tuy nhiên ông chưa cải tạo được lòng trần tánh tục. Thế nên khi xuất hồn lên trời dự yến bàn đào ở Diêu Trì Cung, trót liếc mắt nhìn lên các Tiên Nữ cực kỳ xinh đẹp, ông không khỏi động lòng phàm và lập tức bị Tây Vương Mẫu (Đức Mẹ Diêu Trì Kim Mẫu) quở trách rằng sắc tướng ông chưa dứt, và đuổi ông trở xuống trần gian để tu lại.

Câu chuyện éo le như thế soi sáng cho chúng ta thấu

<sup>(17)</sup> Minh Lý Thánh Hội, ngày 12-5-1970.

<sup>(18)</sup> Lê Anh Minh dịch và chú thích. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2011. Quyển 34 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.

cảm lời Đức Vạn Hạnh Thiền Sư từ bi khuyên dạy:

“*Ngay buổi sinh thời, nếu không cải tạo được tư tưởng theo các Đấng trọn lành thì dù có bỏ nhục thể trăm ngàn lần, tục lụy vẫn hoàn tục lụy, luân hồi chuyển kiếp vẫn chuyển kiếp luân hồi theo nhịp độ của nghiệp duyên.*”<sup>(19)</sup>

Đạo Cao Đài gọi nơi tu hành là *thánh thất*, nghĩa là cái nhà (*thất*) cho người phàm vào đó học tập làm *thánh*, bằng cách cải tạo bản thân cho trở thành người hạnh đức giống như các bậc thánh hiền.

Nhập môn rồi mà vào thánh thất không chịu lo tu, cứ buông thả lụy dục thất tình y hết như ở ngoài chợ đời thì luật đại ân xá Kỳ Ba ắt cũng không cứu rỗi được chúng ta một khi hồn lìa khỏi xác.

Thườ mở đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn nhắc nhở:

“*Thầy cũng không bồng ẵm các con mà đỡ lên cho đặng.*”<sup>(20)</sup>

Đó là lý do Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn cảnh báo chúng ta:

“*Dẫu Thượng Đế có đủ quyền năng (...) thì Thượng Đế cũng đành rơi lệ cho số phận sinh linh.*”<sup>(21)</sup>

CGvDT số 141, tháng 9-2006

Bổ túc 25-7-2012

<sup>(19)</sup> Minh Lý Thánh Hội, ngày 12-5-1970.

<sup>(20)</sup> *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển II, đàn ngày 15-4-1927.

<sup>(21)</sup> Thiên Lý Đàn, ngày 29-3-1969.

## ĐỨC GIÊSU Ở ẤN ĐỘ

Nghiên cứu về Tam Giáo Việt Nam, tôi rất thú vị khi thấy trong quyển *Tam Giáo Kinh* người Việt xưa kia đã vẽ Tam Giáo Tổ Sư (Thích Ca, Lão Tử, Khổng Tử) ngồi chung một tòa sen. Phật ngồi tòa sen là hình ảnh quen thuộc, nhưng Khổng và Lão mà ngồi tòa sen thì rất độc đáo!



Sau này tôi lại càng ngạc nhiên, thú vị hơn nữa khi thấy một họa phẩm tuyệt đẹp vẽ Chúa Giêsu ngồi tòa sen với phong cách đặc trưng của mỹ thuật Phật Giáo Ấn Độ.

\*

Theo *Encarta Encyclopedia Standard Edition 2004*, Ki Tô hữu Ấn Độ chiếm tỷ lệ 6% dân số, sống chủ yếu ở các thành thị, và tập trung nhiều ở các bang Kerala, Tamil Nādu, và Goa. Ở ba bang nhỏ nằm về Đông Bắc Ấn là Nagaland, Mizoram, và Meghalaya thì đa số là Ki Tô hữu. Đạo Thiên Chúa đến Ấn lúc nào?

Sử sách chép rằng khi đặt chân đến bờ biển Malabar phía Tây Nam Ấn Độ (1498) người Bồ Đào Nha đã có công truyền bá giáo lý Công Giáo La Mã. Nhưng K. S. Latourette trong *A History of the Expansion of Christianity* (Lịch Sử Mở Mang Ki Tô Giáo) cho rằng vào năm 345 chính những người Syria do trốn tránh bách hại (*persecution*) đã mang đạo Thiên Chúa vào đất Ấn. Trái lại, từ xa xưa cộng đồng Ki Tô hữu ở bờ biển Malabar thuộc hai bang Kerala và Karnāṭaka vẫn nhiệt thành tin tưởng rằng tổ tiên họ ngay từ thế kỷ thứ nhất đã sớm theo đạo Chúa bởi lẽ chính Thánh tông đồ Thomas vào năm 52 đã đến hải cảng trù phú Cranganore (nay gọi là Kodungallur) của bang Kerala để truyền đạo (theo *Wikipedia*).

Dù có sự tranh luận như trên, điều hiển nhiên là dòng văn hóa Thiên Chúa Giáo ở Ấn Độ đã hình thành rất lâu và cũng đã giao thoa với dòng văn hóa Phật Giáo nước Thiên Trúc. Điều này phần nào được thể hiện qua bức tranh vẽ Chúa Giêsu ngồi tòa sen sau đây (trang bên cạnh). Nhìn vào tranh ta thấy có nhiều chi tiết rất thú vị:



### **Chúa ngồi tòa sen**

Thuật ngữ Phật Giáo gọi tòa sen là liên tọa (*lotus throne*). Mỹ thuật Phật Giáo thường vẽ hay đắp tượng các vị Phật ngồi tòa sen, nên tòa sen còn gọi là Phật tọa (*Buddha throne*). Hoa sen (*padma*) mọc lên từ đáy bùn hôi tanh (ô nhiễm) mà tỏa hương thơm tho, tinh khiết do đó hoa sen tượng trưng cho giải thoát và tự tánh bất hoại của con người. Hoa sen còn tượng trưng cho giáo pháp (*dharma*) cho nên ngồi trên tòa sen có nghĩa là đăng chủ tể của giáo pháp, tức là pháp vương (*the lord of dharma*).

### **Chúa ngồi kiết già**

Cách ngồi này cũng gọi là kiết già phu tọa, kiết tường tọa, liên hoa tọa (*padmāsana*). Khi ngồi thì kéo hai chân chéo nhau, chân phải nằm trên bắp vế trái, chân trái nằm trên bắp vế phải, hai lòng bàn chân ngửa lên và gác trên hai bắp vế. Lưng, cổ, đầu thẳng thành một hàng. Ngồi kiết già thì bàn tay luôn luôn bắt ấn.

### **Chúa bắt ấn**

Tượng Phật và Bồ Tát có nhiều kiểu bắt ấn (*mudrās*), mỗi ấn có một ý nghĩa riêng và huyền diệu riêng. Chẳng hạn, có ấn để hàng ma (chế ngự ma quỷ), có ấn để giáo hóa (*vitarka-mudrā*), có ấn để thị hiện quả vị chứng đắc của một vị Bồ Tát hay Phật. Một số ấn thường thể hiện bằng bàn tay phải giơ lên.

Trong tranh, bàn tay phải của Chúa giơ lên, có thể là một kiểu ấn mà tôi chưa biết. Nhưng, nếu như họa sĩ vẽ hai ngón út và áp út cũng duỗi ra giống như hai ngón trỏ và ngón giữa thì sẽ rất giống với ấn vô úy (không sợ hãi). Khi tu sĩ Cồ Đàm (*Gautama*) chứng quả vô thượng chánh đẳng

chánh giác (a nậu đa la tam miệu tam bồ đề), đấng đạo thành Phật thì Ngài đã bắt ấn vô úy (*abhaya-mudrā*).

### **Chúa khoác cà sa**

Cà sa (*kasāya*) mặc choàng qua vai trái, nhưng để trần vai phải. Cà sa kết hợp màu đỏ với màu vàng, nên nhìn như màu nâu. Tranh đã vẽ và tô màu áo của Chúa chính xác như thế. Phật Giáo có nhiều cách gọi tên cà sa để diễn tả nhiều khía cạnh đạo lý qua biểu tượng cà sa. Chẳng hạn: liên hoa y, giải thoát y (áo hoa sen, áo của bậc giải thoát và đáng làm chủ giáo pháp); vô cấu y, ly trần phục, xuất thế phục (áo không ô nhiễm, áo của bậc không còn bị tham dục, sai lầm của thế gian chi phối)... Vẽ Chúa khoác cà sa, phải chăng là để hàm ngụ những đức tính ấy ở Chúa?

Những chi tiết khác trong tranh cũng rất đáng chú ý.

### **Hai voi trắng** đứng chầu hai bên Chúa.

Tranh Phật Giáo thường vẽ Bồ Tát Phổ Hiền (*Samantabhadra*) cỡi voi trắng. Theo Phật Giáo, voi trắng tượng trưng cho sức dũng mãnh của trí huệ (trí minh triết giác ngộ) có năng lực nhiệm mầu vượt qua mọi chướng ngại.

Ở dưới đài sen Chúa ngự, cũng như ở góc phải phía trên của tranh, ta thấy rất nhiều vị mặc cà sa đứng hoặc ngồi rải rác trong đền điện. Các vị ấy hoặc khoác cà sa để trần vai phải, hoặc mở phoi cả bụng. Hình ảnh này để khiến ta liên tưởng tới các vị Bồ Tát (*bodhisattvas*) và La Hán (*arhats*) trong mỹ thuật Phật Giáo.

Ngoài ra còn thấy vẽ một vài vị dung mạo dữ dằn, nhìn rất “ngầu”. Hình ảnh này gợi ta nghĩ tới các vị mà Phật giáo gọi là chư thiên hộ pháp (*dharmapāla*), có nhiệm vụ

canh giữ nơi tu hành, bảo vệ người tu học chân chánh.

Vàng hào quang trên đầu Chúa cũng như vòng tròn điểm hoa văn tỉ mỉ sau lưng Chúa là hình ảnh rất quen thuộc trong mỹ thuật Phật Giáo. Trên chóp nhọn ở đỉnh, ta thấy một con chim thần ba mắt, đuôi chim như đuôi công rất đẹp, nhưng thay vì hai cánh chim lại là hai cánh tay người dang rộng ra. Hình ảnh này khiến ta liên tưởng tới ca-lâu-la (*garuda*), cũng gọi là kim sí điểu. Đây là giống chim thần thường hay phù hộ, bảo vệ cho người biết tu hành.

\*

Tiếc rằng tôi chưa biết tên của họa sĩ và năm họa phẩm ra đời. Đây chỉ là một bản sao do nhiếp ảnh gia Sankalan chụp lại và in trên tạp chí *Asiaweek* (19-12-1997). Sự mạo muội “liên tưởng” về mấy chi tiết trong bức tranh như vừa khái quát trên đây đâu sao vẫn mang nhiều cảm tính, và rất nhiều khả năng tôi nhầm lẫn. Nhưng theo tôi việc đó không phải là điều quan trọng. Điềm mà tôi thán thưởng chính là chỗ thể hiện được hình ảnh Đức Chúa hoàn toàn theo quan điểm dung hợp văn hóa tín ngưỡng. Đạo là bao dung và cởi mở chứ không phải để trói buộc và khép chặt. Đạo là hòa hiệp chứ không phải chia ly. Nhân loại càng thực hành được tinh thần này thì càng có nhiều khả năng làm tắt ngòi nổ chiến tranh và triệt tiêu mầm mống thù hận do khác nhau về ý thức hệ tôn giáo.

*CGvDT số 122, tháng 02-2005*

## HOLMES WELCH (1921-1981): CUỘC ĐỐI THOẠI GIỮA ĐẠO ĐỨC KINH VÀ KINH THÁNH



Holmes Welch (1921-1981) là một trong những người nỗ lực nghiên cứu đạo Lão ở Mỹ. Đậu cử nhân (1942) và thạc sĩ (1956), ông làm giám đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Đông Á (the Research Center of the East Asia) và là phó chủ tịch Trung Tâm Nghiên Cứu Tôn Giáo Thế Giới (the Research Center of World Religions) tại Viện Đại Học Harvard.

Năm 1956 *Papers on China* (Các bài viết về Trung Quốc) của Viện Đại Học Harvard đã in khảo luận đầu tay của Welch nhan đề *Syncretism in Early Daoism* (Sự Dung Hợp Trong Buổi Đầu Của Đạo Lão). Năm 1957 *Journal of Oriental Studies* (Tập San Nghiên Cứu Phương Đông) của Viện Đại Học Hương Cảng đã in khảo luận của Welch nhan đề *Chinese Daoism and the Celestial Master Zhang* (Đạo Lão Trung Quốc Và Trương Thiên Sư).<sup>(1)</sup>

Sau đó Welch sang Đài Loan và Hương Cảng nhiều lần để nghiên cứu điền dã về đạo Phật, đạo Lão và nghi lễ đạo Lão. Năm 1957 ông xuất bản *Split of Dao: Laozi and Daoism* (Sự Phân Chia Của Đạo: Lão Tử Và Đạo Lão).<sup>(2)</sup> Sách gồm bốn phần: vấn đề Lão Tử; Đạo Đức Kinh; phong trào Đạo Giáo; Đạo Lão ngày nay. Welch đã giải thích một ít về Đạo Đức Kinh cũng như giới thiệu khái quát về lịch sử đạo Lão. Bách Khoa Thư Anh bộ mới (*The New British Encyclopedia*) thừa nhận rằng quyển sách đó là những giải thích tỉ mỉ đáng đọc nhất về Đạo Đức Kinh, và lần đầu tiên

<sup>(1)</sup> Trương Thiên Sư tức là Trương Đạo Lăng (thế kỷ 2, đời Hán).

<sup>(2)</sup> Sách này được Beacon Press (Boston, 1965, 1967) in lại với nhan đề *Taoism: the Parting of the Way* và ghi kèm chữ Hán là 道之分歧 *Đạo chi phân kỳ*.

mới có người miêu tả phong trào Đạo Giáo rõ ràng đến thế.

Welch tích cực tham gia tổ chức ba cuộc hội nghị quốc tế đầu tiên về nghiên cứu đạo Lão, và khuyến khích công cuộc nghiên cứu đạo Lão khắp thế giới.

Hội nghị thứ nhất tổ chức tại thành phố Bellagio, vùng Lombardy nước Ý. Sau hội nghị này Welch cho in trên *History of Religions* (Lịch Sử Các Tôn Giáo) của Viện Đại Học Chicago một khảo sát về hội nghị này với nhan đề *Bellagio Conference on Daoist Studies* (Hội Nghị Ở Bellagio Về Nghiên Cứu Đạo Lão).

Sau hội nghị thứ hai, Welch hợp tác với Anna Seidel xuất bản *Facets of Daoism – A Collection of Essays on Chinese Religion* (Các Khía Cạnh Của Đạo Lão – Hiệp Tuyển Các Khảo Luận Về Tôn Giáo Trung Quốc). Sách tập hợp chín bài viết của các học giả Pháp, Mỹ, Nhật và đã thúc đẩy xa hơn nữa việc nghiên cứu đạo Lão trên phạm vi quốc tế.

Sau hội nghị thứ ba, Welch trở về Mỹ và có lẽ vì tuổi già, hôn nhân và gia đình hay là do công việc (?) ông đã tự sát. Học giới ngày nay luôn đánh giá cao và kính trọng những đóng góp của Welch vào việc phát triển nghiên cứu đạo Lão tại Mỹ cũng như trên thế giới.<sup>(3)</sup>

Nghiên cứu Lão Tử Đạo Đức Kinh, Welch nhận xét: “Ngoại trừ Kinh Thánh chẳng có một quyển sách nào khác được dịch sang tiếng Anh nhiều như Đạo Đức Kinh của Lão Tử.”<sup>(4)</sup>

<sup>(3)</sup> Tiểu sử Holmes Welch như trên đây căn cứ theo 陳耀庭 Trần Diệu Đình (<http://www.eng.taoism.org.hk>).

<sup>(4)</sup> “No other book except the Bible has been translated into

Sau khi cung cấp một danh sách khá dài các bản dịch, Welch hỏi: Tại sao có nhiều bản dịch như vậy? Ngoài lý do vì bản kinh ngắn gọn, Welch suy luận: “Một lý do có ý nghĩa hơn để giải thích vì sao phương Tây có nhiều bản dịch đến thế có thể là giữa Đạo Đức Kinh và Kinh Thánh Tân Ước chứa những điểm tương đồng.”<sup>(5)</sup>

Welch đã dẫn ra mười lăm trường hợp minh chứng cho ý kiến của ông. Phỏng theo Welch, sau đây là mười điểm đối chiếu giữa Đạo Đức Kinh (ĐĐK) và Kinh Thánh.<sup>(6)</sup>

#### 1. Báo oán dĩ đức. ĐĐK chương 63

(Lấy đức báo oán.)

“Hãy yêu kẻ thù và làm ơn cho kẻ ghét anh em, hãy chúc lành cho kẻ nguyện rửa anh em và cầu nguyện cho kẻ vu khống anh em.” Luca 6:27-28.

#### 2. Phù duy bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh. ĐĐK 22

(Vì thánh nhân không tranh giành, cho nên thiên hạ không ai tranh giành với mình.)

“... nếu bị ai vả má bên phải, thì hãy giơ cả má bên trái nữa. Nếu ai muốn kiện anh để lấy áo trong của anh, thì hãy để cho nó lấy cả áo ngoài. Nếu có người bắt anh đi một dặm, thì hãy đi với người ấy hai dặm.” Matthêu 5:39-41.

---

English as often as Lao Tzu's.” (*Taoism: the Parting of the Way*. Boston: Beacon Press, 1967, p. 4.)

<sup>(5)</sup> “A more significant reason for so many Western versions lies perhaps in the parallels between the *Tao Te Ching* and the New Testament.” (*Taoism: the Parting of the Way*, p. 5.)

<sup>(6)</sup> Riêng hai câu Kinh Thánh ở số 5 và 8, tôi trích dẫn khác hơn Welch. (Huệ Khải)



3. *Cường lương giả bất đắc kỳ tử.* ĐĐK 42

(Kẻ dùng bạo lực sẽ chết bất đắc kỳ tử.)

“Hãy xỏ grom vào vỏ, vì tất cả những ai cầm grom sẽ chết vì grom.” Matthêu 26:52.

4. *Chuyên khí trí nhu, năng anh nhi hồ?* ĐĐK 10

(Để bảo tồn nguyên khí, người có thể trở nên như trẻ mới sinh chăng?)

“Thầy bảo thật anh em: Nếu anh em không trở lại mà nên như trẻ em, thì sẽ chẳng được vào Nước Trời.” Matthêu 18:3.

5. *Thị dĩ thánh nhân, hậu kỳ thân nhi thân tiên.* ĐĐK 7

(Vì vậy thánh nhân để thân mình ra sau mà thân lại đứng trước.)

“Ai tôn mình lên sẽ bị hạ xuống; còn ai hạ mình xuống sẽ được tôn lên.” Matthêu 23: 12.

6. *Kim ngọc mãn đường, mạc chi năng thủ.* ĐĐK 9

(Vàng ngọc đầy nhà, chẳng thể giữ được.)

“Anh em đừng tích trữ cho mình những kho tàng dưới đất, nơi mối mọt làm hư nát, nơi kẻ trộm khoét vách và lấy đi.” Matthêu 6:19.

7. *Danh dĩ thân thực thân? Thân dĩ hóa thực đa?* ĐĐK 44

(Danh với thân cái nào quý hơn? Thân với của, cái nào trọng hơn?)

“Vì nếu người ta được cả thế gian mà phải thiệt mất mạng sống, thì nào có lợi gì? Hoặc người ta sẽ lấy gì mà đổi mạng sống mình?” Matthêu 16:26.

8. *Bất viết: ... hữu tội dĩ miễn da?* ĐĐK 62

(Há người xưa chẳng nói rằng ... có tội thì được tha thứ sao?)

“Trái lại, phải đối xử tốt với nhau, phải có lòng thương xót và biết tha thứ cho nhau, như Thiên Chúa đã tha thứ cho anh em trong Đức Kitô.” Êphêxô 4:32.

9. *Thiên võng khô khô, sơ nhi bất thất.* ĐĐK 73

(Lưới Trời lỏng lẻo, thưa mà chẳng lọt.)

“Thế mà, không một con [chim sẻ] nào rơi xuống đất ngoài ý của Cha anh em.” Matthêu 10:29.

10. *Ngô ngôn thậm dị tri, thậm dị hành.* ĐĐK 70

(Lời ta rất dễ biết, rất dễ làm.)

“Vì ách tôi êm ái, và gánh tôi nhẹ nhàng.” Matthêu 11:30.

Sự tương đồng lạ lùng giữa hai pho kinh như vừa dẫn trên quả nhiên rất thú vị. Nó gợi cho thấy rằng tôn giáo Đông Tây kim cổ dầu có phần khác nhau nhưng tiềm tàng sâu thẳm bên trong vẫn có chung một chân lý. Khoa Tôn Giáo Đối Chiếu (*Comparative Religion*) vì thế có công dụng giúp tín đồ các tôn giáo hiểu biết nhau hơn và xích gần lại với nhau hơn. Giáo dẫu có nhiều, có mới có cũ, nhưng Đạo trước sau duy chỉ có một mà thôi. Lãnh hội lẽ một đó sẽ góp phần xóa bỏ kỳ thị tôn giáo, tín ngưỡng và đồng thời cũng góp phần xây đắp hòa bình cho nhân loại.

## MỘT TRONG MUÔN

### Đường Tăng và Tâm Kinh

Trong *Giải Mã Truyện Tây Du* (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, tái bản 2011), tôi có dịp minh chứng rằng khi viết tiểu thuyết *Tây Du Ký*, Ngô Thừa Ân (thế kỷ 16, đời Minh) đã khéo mượn các sự kiện trong lịch sử Trung Quốc để hư cấu thành những tình tiết ly kỳ huyền bí. Hồi Mười Chín cũng là một trường hợp cho thấy họ Ngô rất giỏi trộn lẫn chuyện thật với chuyện giả.

Họ Ngô kể rằng thầy Đường Tăng và Tôn Ngộ Không cùng Trư Ngộ Năng (tức Bát Giới, mới vừa thâu phục làm đệ tử) đi đường hơn một tháng thì tới địa giới nước Ô Tư Tạng. Từ xa, nhìn thấy ngọn núi cao chón chở, Bát Giới nói:

- Đây là núi Phù Đồ, có thiền sư Ô Sào ngồi tu trên tổ quạ. Sư ấy có quen biết với tôi.

Ô là con quạ, sào là cái tổ, ô sào là tổ quạ. Như vậy pháp hiệu của nhà sư là do chỗ ngồi tu.

Khi ba thầy trò vừa tới gần thân cây lớn có tổ quạ, thì thiền sư Ô Sào từ trên tổ nhảy xuống. Đường Tăng liền xuống ngựa kính cẩn cúi lạy. Thiền sư đỡ dậy, nói:

- Tôi thất lễ vì không kịp nghinh tiếp thánh tăng.

Sau khi bốn vị chào hỏi nhau xong, Đường Tăng hỏi thăm đường qua phương Tây thỉnh kinh. Nhân dịp này, thiền sư Ô Sào đọc cho Đường Tăng nghe trọn bài *Tâm Kinh*, dặn dò rằng kinh này rất linh nghiệm, đi đường hãy

luôn nhớ tụng niệm để ngừa yêu ma, ngăn quỷ quái, biến điều dữ thành việc lành...

Nếu cứ tin theo tài kể chuyện của Ngô Thừa Ân, thì người đọc hiểu rằng *Tâm Kinh* (tức *Bát Nhã Tâm Kinh*) được lưu truyền rộng khắp từ xưa tới nay ở nhiều quốc gia là do Đường Tăng được thiền sư Ô Sào khẩu truyền trực tiếp, và nhờ có trí nhớ kiểu Lê Quý Đôn nên chỉ nghe qua một lần là Đường Tăng thuộc nằm lòng, không sót một chữ.

Thật ra lai lịch của *Tâm Kinh* không đúng như Ngô Thừa Ân thêu dệt.

Nhan đề đầy đủ của bài kinh danh tiếng này là *Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh* (*Prajñā Pāramitā Hridaya Sūtra*), các bản dịch tiếng Anh thường gọi tắt là *The Heart Sutra* (*Tâm Kinh*).

*Tâm Kinh* có vài bản dịch chữ Hán, chẳng hạn vào thế kỷ 4 có bản dịch của Pháp Sư Cưu Ma La Thập (*Kumārajīva*, 344-413). Nhưng phổ biến hơn cả là bản chữ Hán do Tam Tạng Pháp Sư Trần Huyền Trang đời Đường dịch vào giữa thế kỷ 7.

Bản dịch của Huyền Trang (tức Đường Tăng) gồm hai trăm sáu mươi chữ Hán, mở đầu như sau:

“*Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.*

*Xá Lợi Tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị...*”

Một vị tu sĩ (khuyết danh) đã dịch *Tâm Kinh* ra thơ lục



bát. Theo đó, đoạn kinh mở đầu trên đây có nghĩa:

*Khi hành bát nhã ba la  
Ngài Quán Tự Tại soi ra tột cùng  
Thấy ra năm uẩn đều không  
Bao nhiêu khổ ách khốn cùng độ qua  
Này Xá Lợi Tử xét ra  
Không là sắc đó, sắc là không đây  
Sắc cùng không chẳng khác sai  
Không cùng sắc vẫn sánh tài như nhau  
Thọ, tướng, hành, thức uẩn nào  
Cũng như sắc uẩn, một màu không không...*

Các nhà học Phật cho rằng Tâm Kinh chữ Phạn do Bồ Tát Long Thọ (*Nāgārjuna*, khoảng 150-250) viết. Như thế, Tâm Kinh chẳng có liên quan gì tới thiền sư Ô Sào như Ngô Thừa Ân bịa ra cả. Mà Ô Sào là ai?

### Thiền sư Ô Sào

Truyền thuyết cho rằng Ô Sào là một nhà sư khác thường sống vào đời Đường. Khi bà mẹ sinh con, không hiểu vì sao lại lén đem bỏ hài nhi đó hỏn vào tổ quạ nằm trên cháng ba một đại thụ trước ngôi chùa nọ rồi trốn biệt. Có lẽ các sư trong chùa đã cứu sống đứa trẻ bị bỏ rơi, nuôi dưỡng, và cho tu theo Phật. Khi có thể thuyết pháp và được nhiều người đến nghe giảng thì nhà sư ấy lại thích leo lên tổ quạ ngồi. Tổ quạ (ô sào) vì thế vừa là chỗ hành thiền, vừa là nơi giảng đạo của sư và dân chúng gọi sư là Ô Sào.

Trong quyển *Histoire des Croyances Religieuses et des Opinions Philosophiques en Chine* <sup>(1)</sup> của vị Giáo Sĩ Dòng

<sup>(1)</sup> Nxb Hien-hien, 1927, tr. 516.

Tên người Pháp danh tiếng là Léon Wieger (1856-1933) có in lại tranh vẽ thiền sư Ô Sào ngồi trong tổ quạ như sau:



Đường Tăng sinh năm 602 và viên tịch năm 664. Ô Sào thì không rõ tuổi tác, năm sinh, năm mất. Nhưng Ngô Thừa Ân bất chấp các tiêu tiết về niên kỷ; chỉ cần biết Đường Tăng và Ô Sào cùng sống vào đời nhà Đường thì họ Ngô cứ vô tư bố trí cho cả hai gặp nhau, không phải ở Trung Quốc, mà tuốt bên xứ sở Ô Tư Tạng mù mờ nào đó!

Sách vở Trung Quốc còn có một giai thoại về thiền sư Ô Sào và nhà thơ Bạch Cư Dị (772-864). Căn cứ theo tuổi tác của họ Bạch thì suy ra Ô Sào phải sinh sau để muộן so với Đường Tăng rất lâu; làm sao có cuộc hội ngộ ly kỳ ở miền núi non hoang vắng như Tây Du Ký kể?!

## Bạch Cư Dị

Bạch Cư Dị tự là Lạc Thiên nên cũng gọi là Bạch Lạc Thiên. Ông còn có hiệu là Hương Sơn Cư Sĩ, và Túy Ngâm Tiên Sinh. Đây là nhà thơ lớn thường được xem là chỉ đứng sau Lý Bạch (701-762) và Đỗ Phủ (712-770). Hai bài thơ rất nổi tiếng của họ Bạch được nhiều người Việt Nam hâm mộ xưa nay là *Trường Hận Ca* và *Tỳ Bà Hành*.

*Trường Hận Ca* dài tám trăm bốn mươi chữ, tả mối ly tình đau thương giữa vua Đường Minh Hoàng và người đẹp Dương Quý Phi trong loạn An Lộc Sơn vào năm 756.

*Tỳ Bà Hành* dài sáu trăm mười sáu chữ, nói về cuộc đời trôi nổi truân chuyên của nữ ca kỹ tài sắc sở trường ngón đàn tỳ bà. Nhà nho Phan Huy Vịnh (1800-1870) để đời bản dịch ra thơ song thất lục bát, mở đầu như sau:

*Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách  
Quạnh hơi thu, lau lách đìu hiu  
Người xuống ngựa, khách dừng chèo  
Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều trúc ty...*

Năm 800 Bạch Cư Dị thi đỗ tiến sĩ, làm quan trong triều, giữ chức Tả Thập Di rồi bị đày làm Hộ Tào Tham Quân ở Kinh Triệu. Đường hoạn lộ của ông lắm nỗi thăng trầm: lúc làm Thứ Sử ở Hàng Châu (821-824), rồi qua Tô Châu (825), v.v... Về sau ông được triệu về kinh làm Thiếu Phó dạy Thái Tử. Ông làm tới chức Thượng Thư ở Bộ Hình rồi về hưu (842).

Bài *Tỳ Bà Hành* có lẽ sáng tác trong thời gian ông bị đày làm Tư Mã đất Giang Châu (năm 815) vì buổi tái ngộ người đẹp, khi than thở ngón đàn năm xưa của nàng đã đuối rồi, thì họ Bạch có nhắc tới Giang Châu Tư Mã. Phan

Huy Vịnh dịch bốn câu kết như sau:

*Nghê nảo ruột khác tay đàn trước  
Khấp tiệp hoa suốt suốt lệ rơi  
Lệ ai chan chứa hơn người?  
Giang Châu Tư Mã đượm mùi áo xanh.*

Đây là giai thoại về thiền sư Ô Sào và nhà thơ Bạch Cư Dị:

Một hôm đi qua chỗ sư đang ngồi trên tổ quạ, nhà thơ khuyên:

- Ngồi trên đó nguy hiểm lắm! Sơ sẩy một chút té chết!

Sư đáp ngay:

- Chỗ ngồi của quan lớn hiện nay còn nguy hiểm hơn cả bàn tăng nữa kia.

Bạch Cư Dị ngạc nhiên:

- Sao lại nguy hiểm?!

- Quan lớn ngồi dưới vua nhưng lại trên các quan đồng liêu và dân chúng. Được vua thương thì đồng liêu ganh ghét; được lòng dân thì lại mất lòng vua. Tính mạng của quan lớn cùng với vợ con thân quyến đều phụ thuộc vào tình yêu ghét của vua và lòng ganh ghét đố kỵ của đồng liêu. Chiếc ghế quan lớn ngồi vì thế được kê trên đầu lưỡi không xương ngoắt ngoéo của thiên hạ thì làm sao vững chắc cho bằng cháng ba của cội cây này. Có đúng vậy không, thưa quan lớn?

- Nói hay lắm! Nếu thầy tóm tắt được hết tinh ba giáo lý nhà Phật gọn trong mấy chữ, ta sẽ xin làm học trò.

- Có khó gì! Quan lớn nghe đây:

*Chư ác mạc tác.  
Chúng thiện phụng hành.  
Tự tịnh kỳ ý.  
Thị chư Phật giáo.*<sup>(2)</sup>  
(Chớ làm các điều ác.  
Vâng làm các việc lành.  
Giữ ý mình trong sạch.  
Là lời các Phật dạy.)

Bạch Cư Dị phì cười:

- Lời thầy vừa thuyết, con nít lên ba cũng nói được.

Thiền sư đáp:

- Con nít lên ba nói được, nhưng ông lão bảy, tám mươi chưa chắc đã làm được.

Tương truyền, ngay lúc đó Bạch Cư Dị tỉnh ngộ; thế là nhà thơ tài danh xin bái thiền sư Ô Sào làm thầy.

Chúng ta không biết thêm phần sau của giai thoại này, tức là kết quả con đường học Phật của chàng áo xanh Tư Mã Giang Châu lãng mạn, đa tình. Có điều, mười sáu chữ mà thiền sư Ô Sào dùng để giải mê cho Bạch Cư Dị chính là bài kệ thứ 183 trong phẩm 14 của *Kinh Pháp Cú* (*Dhammapada*).

Trong hơn bốn mươi năm truyền giáo, Đức Phật Thích Ca đã thuyết giảng rất nhiều. Sau khi Đức Thế Tôn nhập Niết Bàn, các vị đại tông đồ đã họp đại hội để kết tập thành Tam Tạng (kinh, luật, luận). Riêng những câu dạy ngắn gọn của Như Lai trong vài trăm trường hợp khác nhau được

kết tập thành Kinh Pháp Cú, gồm hai mươi sáu phẩm (tức là chương), với bốn trăm hai mươi ba bài kệ.

Kinh Pháp Cú gồm những câu rời, độc lập, được xếp chung thành từng đề mục. Xét về hình thức, Kinh Pháp Cú nhắc ta nhớ tới *Luận Ngữ* của đạo Nho, cũng do các đại tông đồ của Đức Vạn Thế Sư Biểu kết tập những lời dạy của Đức Khổng Tử trong vài trăm trường hợp khác nhau.

### Vạn giáo nhất lý

Nếu đối chiếu Kinh Pháp Cú và Luận Ngữ, chúng ta có thể tìm thấy không ít những ý đạo cao siêu mà tương đồng. Chẳng hạn, với bài kệ 183 trên đây, nếu đọc ngược lại, chúng ta dễ thấy logic của bài giáo pháp ngắn ấy:

Các vị Phật dạy rằng  
Chính mình giữ ý trong sạch  
[Thì có thể] vâng làm các việc lành  
Không làm các điều ác.

Con người làm lành hay gây ác là do tư tưởng (tâm ý) sai khiến. Cho nên muốn chặn đứng hành vi tội ác từ gốc, hay muốn phát huy việc lành từ căn bản, thì trước hết phải kiểm soát tư tưởng, không để tâm ý của mình buông lung theo tà vạy, bất chánh.

Cũng vậy, Đức Khổng Tử hay nhắc nhở môn đệ học Kinh Thi đề tu dưỡng tánh tình. Có lần vị Tổ Vương này tóm tắt cốt tủy của Kinh Thi trong ba chữ gọn lỏn. Luận Ngữ, Thiên thứ nhì (*Vi Chính*), chép câu này:

“*Thi tam bách, nhất ngôn dĩ tế chi, viết: Tư vô tà.*”<sup>(3)</sup>

<sup>(2)</sup> 諸惡莫作. 眾善奉行. 自淨其意. 是諸佛教.

<sup>(3)</sup> 詩三百, 一言以蔽之, 曰思無邪.

(Kinh Thi có ba trăm bài, chỉ lấy một lời mà bao quát hết, đó là: Đừng nghĩ bậy.)

Đức Phật dạy “*Tự tịnh kỳ ý*” (Chính mình giữ ý trong sạch) đâu có khác Đức Khổng khuyên “*Tư vô tà*” (Đừng nghĩ bậy).

Đức Giêsu cũng dạy rõ tư tưởng xấu xa là khởi nguồn của biết bao tội ác:

*“Vì từ bên trong, từ lòng người, phát xuất những ý nghĩ xấu: tà dâm, trộm cắp, giết người, ngoại tình, tham lam, độc ác, xảo trá, trác táng, ganh tỵ, phỉ báng, kiêu ngạo, ngông cuồng. Tất cả những điều xấu xa đó, đều từ bên trong xuất ra, và làm cho con người ra ô uế.”* (Mácô 7:21-23)

Trong đạo Cao Đài, Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch ban cho bài *Giới Tư Tưởng Kinh* (1938) để giúp môn sanh hàng ngày kiểm soát tư tưởng, vì nghĩ quấy thì sẽ làm quấy:

*Cũng vì tư tưởng xấu xa  
Gây nên tội lỗi khó qua lưới Trời.*

...

*Phải kèm tư tưởng một đường  
Tà gian ác quả nó thường đổ con.*

Vậy, chúng ta có thể tin rằng *vạn giáo nhất lý*: các tôn giáo đều có chung một lẽ thật. Đối thoại liên tôn là thiện chí đi tìm thấy chỗ một ấy trong muôn vẻ khác nhau của các nền chánh pháp kim cổ Đông Tây.

19-10-2011

CGvDT số 202, tháng 10-2011



Quang cảnh khai mạc Công Đồng Vatican II

## NỬA THẾ KỶ CÔNG ĐỒNG VATICAN II: MỘT CHÚT TÂM TÌNH CỦA NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI

*Về đạo pháp các con cũng biết  
Thầy đến lần ba này làm sao cho  
nhơn loại khắp trên mặt địa cầu  
được sống lại ơn cứu độ  
lan chảy khắp năm châu.*

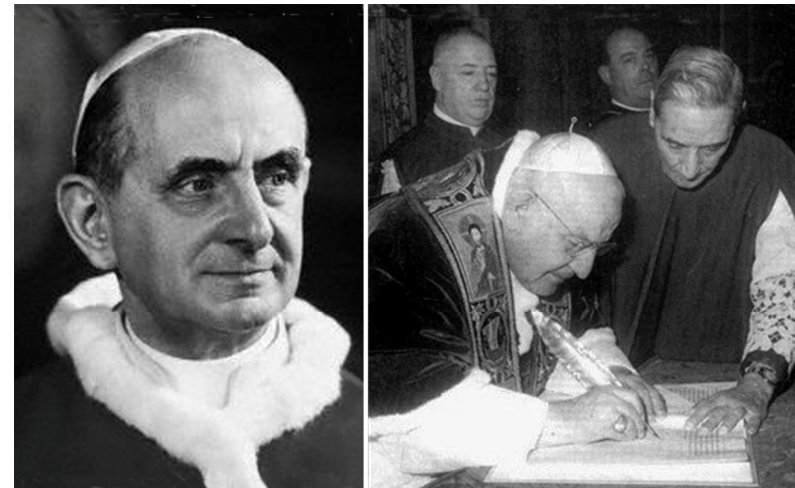
*Trước đây năm, sáu mươi năm  
các con cũng thấy các tôn giáo như ngủ mê  
mà từ ngày được Đạo Thầy hoằng khai  
thì các tôn giáo lần lượt chấn hưng.*

*Sự sống đó chẳng những đến cho các con  
mà đến khắp hoàn cầu,  
nên phong trào đạo đức đâu đâu cũng sống dậy.<sup>(1)</sup>*

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế

Công Đồng Vatican II là công đồng đại kết (ecumenical council) của Giáo Hội Công Giáo Rôma, được Đức Gioan XXIII (1881-1963) khai mạc ngày 11-10-1962, bốn năm sau ngày đắc cử Giáo Hoàng (28-10-1958). Công Đồng này được Đức Giáo Hoàng Phaolô VI (1897-1978) bế mạc ngày 08-12-1965.

<sup>(1)</sup> Bác Nhã Thiên Đường (Long Hải, Vũng Tàu), Tuất thời, ngày 13-5 Giáp Dần (02-7-1974).



Đức Giáo Hoàng  
Phaolô VI

Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII  
ký Tông Sắc triệu tập  
Công Đồng Vatican II

Những ai trót quen suy nghĩ theo lẽ thói thông thường đều không khỏi sửng sốt, bởi lẽ họ ngỡ rằng Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII đã “quá già” nên không thể nào còn có ý tưởng về một cuộc đổi mới Giáo Hội. Thế nhưng, bằng một quyết định lịch sử, Đức Giáo Hoàng tám mươi một tuổi hiển nhiên đã chẳng hề “già cỗi” chút nào hết. Vì vậy, từ ấy đến nay, khi nhắc tới Công Đồng Vatican II, giới tu hành đạo đức vẫn tỏ lòng kính ngưỡng và tán thán công đức hoằng đại của Đức Chân Phước Gioan XXIII (được tôn phong ngày 03-9-2000).

### Một chớp nhoáng cảm hứng đột ngột

Trong diễn văn khai mạc Công Đồng Vatican II vào

ngày 11-10-1962, khi nhắc tới quyết định triệu tập Công Đồng, Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII gọi đó là “*một chớp nhoáng cảm hứng đột ngột – a sudden flash of inspiration*”. Ngài còn lưu ý rằng vào ngày 25-01-1959, tức là chưa tròn ba tháng sau khi đắc cử Giáo Hoàng, Ngài đã từng tỏ bày ý định này trước một số vị trong Hồng Y Đoàn (*the Sacred College of Cardinals*) sau khi dự lễ tại Vương Cung Thánh Đường Thánh Phaolô Ngoại Thành.

Đức Giáo Hoàng hé lộ rằng hôm ấy, khi bày tỏ ý định trước một số vị Hồng Y, Ngài đã “*không chăm chút công phu, tỉ mỉ – without elaboration*” chi hết, thế nhưng “hiệu ứng” đến liền tức thì và lan tỏa sâu rộng! Đức Giáo Hoàng kể:

“*Mọi người hưởng ứng tức thì. Dường như có tia sáng siêu nhiên nào đó soi rọi vào tâm hồn tất cả những người có mặt: nó phản chiếu trên gương mặt họ; nó tỏ ngời trong ánh mắt họ. Lập tức một làn sóng nhiệt thành quét khắp thế gian, mọi nơi người ta bắt đầu háo hức đợi chờ cuộc lễ tổ chức Công Đồng này.*”<sup>(2)</sup>

Ngày nay, đọc lại diễn văn khai mạc năm mươi năm trước, những người có đức tin nhận thức rằng “*một chớp nhoáng cảm hứng đột ngột*” đã đến với Đức Giáo Hoàng

---

<sup>(2)</sup> “The response was immediate. It was as though some ray of supernatural light had entered the minds of all present: it was reflected in their faces; it shone from their eyes. At once the world was swept by a wave of enthusiasm, and men everywhere began to wait eagerly for the celebration of this Council.” Tham khảo: *Opening Address to the Council*, mục “*The Decision to Hold the Second Vatican Council*”.  
<http://www.catholicculture.org/culture/library/view.cfm?recnum=3233>

Gioan XXIII ắt hẳn không gì khác hơn là Thần Khí (*Spirit*) của Chúa Thánh Thần, vì chỉ có Thần Khí ấy mới làm nên một “phép lạ” như Công Đồng Vatican II.

### **Một lễ Hiện Xuống thứ Hai**

Trong diễn văn khai mạc ngày 11-10-1962 của Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII, cũng như trong diễn văn bế mạc ngày 08-12-1965 của Đức Giáo Hoàng Phaolô VI,<sup>(3)</sup> nếu tôi không lầm, thì thuật ngữ *lễ Hiện Xuống (Pentecost)* chưa một lần được nhắc tới. Thế nhưng ngày nay, khi nói tới ý nghĩa lịch sử của Công Đồng Vatican II, hầu như đại đa số vẫn rất trân trọng gọi đây là một “*lễ Hiện Xuống thứ Nhì – a Second Pentecost*”, tính từ lễ Hiện Xuống đầu tiên với các Thánh Tông Đồ được ghi rõ trong *Sách Công Vụ Tông Đồ* (2:1-41). Sự kiện này càng phản ánh rõ nét và chân thực những gì mà Công Đồng Vatican II đã, đang và sẽ còn tiếp tục tác động tới đời sống tâm linh con người thời đại, chứ không riêng quảng đại cộng đồng Ki Tô hữu.

Vậy mà, khi được hỏi về mục đích triệu tập Công Đồng Vatican II, Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII nói đơn giản là “*để mở tung những cánh cửa sổ ... và cho chút không khí trong lành lọt vào – to open the windows ... and let in some fresh air*”.<sup>(4)</sup>

Lời Ngài đơn giản đến thế, nhưng phải chăng lại hàm ngụ một ẩn ý rằng cái bầu khí trước Công Đồng Vatican II đã “ngột ngạt”? đang cần “đổi gió”? tức là tới lúc để đổi mới?

---

<sup>(3)</sup> Tham khảo: “*Second Vatican Council II Closing Speech*”.  
<http://www.papalencyclicals.net/Paul06/p6closin.htm>.

<sup>(4)</sup> <http://vatican2voice.org/4basics/themes.htm>



Nhưng thay vì chỉ là đổi mới, Công Đồng Vatican II được thán thưởng là một công cuộc “*Đại Canh Tân – a Great Renewal*”.<sup>(5)</sup>

### Một công cuộc Đại Canh Tân

Trên thế gian này, đời hay đạo, thế quyền hay giáo quyền, dù ở đâu và dù thời đại nào thì cũng phải tuân theo quy luật Thành, Trụ, Hoại, Diệt. Muốn thoát khỏi quy luật này, mọi thiết chế (institution) đều phải kịp thời tự điều chỉnh trước khi quá trình đào thải đã đi quá xa, và mọi nỗ lực cứu vãn bấy giờ sẽ không còn hiệu quả!

Trong đạo Lão xưa kia (thời Nhị Kỳ Phổ Độ, nói theo sử quan Cao Đài) từng cho thấy sự khác biệt giữa Đạo (tuyệt đối) và Giáo (tức tôn giáo, tương đối). Vì tuyệt đối nên Đạo không đầu không cuối, không mở màn không bế mạc, không thịnh không suy. Trái lại, vì tương đối nên Tôn Giáo có trước có sau, có thịnh có suy. *Kim Liên Chính Tông Ký* của đạo Lão viết:

“*Đạo không đầu cuối, Giáo có trước sau. (...) Đạo thì chân thường, siêu việt. Giáo thì dạy cách độ người. Đạo là bản thể, tuy trải qua muôn ngàn đời, chưa hề biến dịch. Giáo là công dụng, có lúc thịnh, có lúc suy.*”<sup>(6)</sup>

<sup>(5)</sup> <http://www.catholicapologetics.info/modernproblems/vatican2/renew2.html>

<sup>(6)</sup> Đạo vô chung thủy, Giáo hữu hậu tiên. (...) Trăm tịch chân thường, Đạo dã. Truyền pháp độ nhân, Giáo dã. Đạo chi vị thể, tuy kinh vô số kiếp, vị thường thiếu biến. Giáo chi vị dụng, hữu thời nhi phế, hữu thời nhi hưng. 道無終始, 教有後先. (...) 湛寂眞常, 道也. 傳法度人, 教也. 道之爲體, 雖經無數劫未常少變. 教之爲用, 有時而廢, 有時而興. (金蓮正宗記)

Qua Tam Kỳ Phổ Độ (đạo Cao Đài), thánh giáo Đức Mẹ (Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu) diễn bày tỉ mỉ hơn lời lẽ trong đoạn văn dẫn trên của đạo Lão:

“*Đạo không hình không tướng. Thế nên đừng ai lấy thúng mà úp cái Đạo, đừng ai lấy khuôn mà đổ cái Đạo. Phải hiểu Đạo là uyển chuyển, thiên biến vạn hóa; tùy cơ duyên mà phổ độ; tùy hoàn cảnh thực tại mà linh động, uyển chuyển tác dụng cho hợp thời đúng lúc; tùy trình độ căn trí mà biện minh phân giải, thuyết lý độ đời. Điều nào hay thì giữ gìn mà phát triển. Điều nào dở không thích hợp thì phải trả về cho quá khứ. Điều nào thiếu thì sẽ thêm vô cho đủ. Điều nào dư thì hãy cắt xén bớt cho tròn vẹn.*”<sup>(7)</sup>

Nói cách khác, mọi tôn giáo bất kỳ, càng trải qua chiều dài lịch sử lâu chững nào thì càng phải đặt ra vấn đề canh tân, đổi mới. Dạy triết và tôn giáo đối chiếu (comparative religion) tại Viện Đại Học New Mexico, Giáo Sư Archie J. Bahm (1907-1996) từng xác định:

“*Các hình tướng, giáo lý và thiết chế đặc biệt mà qua đó các nhu cầu, và kinh nghiệm tu hành của một số người đã được phô diễn thì chúng có thể hóa ra lỗi thời, mà sự tiếp tục duy trì chúng thường trở nên có hại cho sự tu hành lành mạnh.*”<sup>(8)</sup>

<http://nhantu.net/TrietHoc/LecomteDuNouy/LecomteDuNouy3-1.htm>

<sup>(7)</sup> Thánh thất Nam Thành, ngày 05-8-1971 (15-6 Tân Hợi).

<sup>(8)</sup> “The particular forms, doctrines, and institutions through which the religious needs and experiences of some people have been expressed may become obsolete, and their continuance often becomes detrimental to healthy religion.” Archie J. Bahm: *The World's Living Religions*. New York: Nxb Dell, 1964, p. 14.

Tóm lại, mọi tôn giáo đều có yêu cầu tất yếu và khách quan là phải *tự đổi mới*. Đổi mới để trường tồn và phát triển. Với Công Đồng Vatican II, Đức Gioan XXIII mở ra một diễn trình (process) đại canh tân Giáo Hội, làm tươi trẻ lại các cơ cấu và khơi thông dòng nhựa sống trường xuân sung mãn dồi dào cho Giáo Hội.

Những người có tôn giáo đang hành đạo bên cạnh Công Giáo dĩ nhiên dễ có xu hướng ưu tiên tìm hiểu xem trong công cuộc đại canh tân Giáo Hội, Công Đồng Vatican II “nhắm tới” các tôn giáo khác theo định hướng nào.

Bằng *Sắc Lệnh Ad Gentes Về Hoạt Động Truyền Giáo Của Giáo Hội* (Decree Ad Gentes on the Mission Activity of the Church), Công Đồng rõ ràng đã “yêu cầu” người Công Giáo phải hòa mình với người khác tôn giáo. Ad Gentes (số 11) viết:

“Để có thể làm chứng về Chúa Ki Tô một cách hiệu quả, các Ki Tô hữu hãy đem lòng kính trọng và tình thương mà liên kết với những người ấy; hãy biết mình là thành phần của nhóm người mình chung sống; hãy chia sẻ đời sống văn hóa, xã hội qua những giao tiếp và hoạt động khác nhau trong cuộc sống thế nhân; hãy làm quen với những truyền thống dân tộc và tôn giáo của những người ấy; hãy sung sướng và kính cẩn mà khám phá ra những hạt giống Lời Chúa đang tiềm ẩn trong những người ấy.”<sup>(9)</sup>

<sup>(9)</sup> “In order that they may be able to bear more fruitful witness to Christ, let them be joined to those men by esteem and love; let them acknowledge themselves to be members of the group of men among whom they live; let them share in cultural and social life by the various undertakings and enterprises of human living; let them be familiar with their national and

Tìm hiểu những nội dung đổi mới hoạt động truyền giáo trong tương quan với các tôn giáo khác, người ta thấy Công Đồng Vatican II nhìn nhận: *Có nhiều cách đưa tới cứu độ và tất cả các tôn giáo nên được quyền bình đẳng. Các Ki Tô hữu phải cùng với những người khác truy tầm chân lý.*<sup>(10)</sup>

Tạm gọi đó là thái độ hay cách ứng xử của Ki Tô hữu với tôn giáo bạn dưới ánh sáng soi rọi của Công Đồng Vatican II. Thái độ hay cách ứng xử này gợi nhớ tới thuật ngữ lễ Hiện Xuống thứ Hai (*the Second Pentecost*) hoặc một lễ Hiện Xuống Mới (*a New Pentecost*) vẫn được dùng khi nói về Công Đồng. Rồi từ đó, thuật ngữ này đưa đến một liên tưởng xa hơn, là tháp Babel – biểu tượng cho rào cản ngôn ngữ giữa các chủng tộc, dân tộc trên thế giới.

### Phá tháp Babel trong tương giao giữa các tôn giáo

Theo *Sách Công Vụ Tông Đồ*, trong lễ Hiện Xuống đầu tiên, các Thánh Tông Đồ “ai nấy đều được tràn đầy ơn Thánh Thần, họ bắt đầu nói các thứ tiếng khác, tùy theo khả năng Thánh Thần ban cho. (...) Nghe tiếng ấy, có nhiều người kéo đến. Họ kinh ngạc vì ai nấy đều nghe các ông nói tiếng bản xứ của mình.” (Cv 2:4,6)

---

religious traditions; let them gladly and reverently lay bare the seeds of the Word which lie hidden among their fellows.”

[http://www.vatican.va/archive/hist\\_councils/ii\\_vatican\\_council/documents/vat-ii\\_decree\\_19651207\\_ad-gentes\\_en.html](http://www.vatican.va/archive/hist_councils/ii_vatican_council/documents/vat-ii_decree_19651207_ad-gentes_en.html)

<sup>(10)</sup> There are many ways to salvation and that all religions should have equal rights. ... Christians must search with others to find the truth.

<http://www.catholicapologetics.info/modernproblems/vatican2/renew2.html>

Người truyền giáo theo tinh thần Công Đồng Vatican II cũng sẽ đón nhận được ơn Thánh Thần trong lễ Hiện Xuống Mới để thông thạo các ngôn ngữ, nhưng không phải ngôn ngữ của các sắc dân khác nhau, mà là ngôn ngữ riêng của từng tôn giáo không phải Công Giáo.

Xưa nay, những ngộ nhận, kỳ thị, phân biệt, v.v... giữa các tôn giáo thường là do người đạo này chưa hiểu được tiếng nói của người đạo khác, dẫn rằng họ đang sống chung một quốc thổ, mang chung một quốc tịch, và nói chung một quốc ngữ.

Nhà truyền giáo trong môi trường đa tôn giáo nếu có khả năng dùng được tiếng nói của tôn giáo bạn để đối thoại liên tôn thì “tháp Babel” trong tương giao giữa các tôn giáo bị phá sập.

### **Không chỉ nhìn lại, mà còn nhìn tới**

Tính từ lúc khai mạc, đến tháng 10 năm nay Công Đồng Vatican II sẽ tròn nửa thế kỷ. Một con số đẹp để kỷ niệm “kim khánh” theo truyền thống nhân gian. Từ góc độ một người đạo Cao Đài, qua bài viết ngắn này, tôi mạo muội chia sẻ mấy suy nghĩ của riêng mình về Công Đồng Vatican II, cụ thể là hai ấn tượng nổi bật mà Công Đồng Vatican II đã in dấu vào tâm tình của người tín hữu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ: cuộc Đại Canh Tân và lễ Hiện Xuống Mới.

Nhấn mạnh hai chữ “tâm tình” như thế, có nghĩa là những điều vừa chia sẻ trên đây chẳng có tí gì mang tính cách “hàn lâm” khi nhắc tới một sự kiện rất trọng đại của lịch sử Giáo Hội Công Giáo hoàn cầu, đã diễn ra vào giữa thế kỷ trước mà sang tới thế kỷ này, sứ mệnh lịch sử của

Công Đồng Vatican II vẫn tiếp tục tỏa sáng và không ngừng mời gọi mọi thiện tâm, thiện chí, cùng ra sức thực thi.

Là người có Đạo bên cạnh cộng đồng Ki Tô hữu, tôi nghĩ rằng tìm hiểu và thấu cảm những sứ điệp mà Công Đồng Vatican II truyền gởi tới thời đại chúng ta, cũng là một việc làm đúng đạo lý để góp bàn tay cùng vận hành bánh xe tiến hóa tâm linh của toàn nhân loại mà xưa nay người Việt chúng ta quen gọi là Thiên cơ (*Heaven's plan*).

Sau năm mươi năm, ngoài việc nhìn lại quá trình Công Đồng Vatican II, hãy nên nhìn tới những viễn cảnh tốt đẹp mà Công Đồng Vatican II có khả năng sẽ mang đến để góp phần cứu vãn một hành tinh đang cực kỳ nguy khốn này.

Khi nghĩ thấu đáo như vậy, người tôn giáo ngoài Công Giáo không nên xem Công Đồng Vatican II là chuyện riêng của nội bộ Công Giáo.

Chia sẻ sứ điệp cao cả của Công Đồng gởi tới các tôn giáo bạn, thì cũng cần ý thức chủ động hưởng ứng những nỗ lực mời gọi đối thoại và hợp tác liên tôn từ Công Giáo để chung tay xây dựng hạnh phúc đích thực, an bình vững bền cho con người – vốn dĩ là một mục đích chung của mọi nền chánh giáo kim cổ Đông Tây.

29-6-2012

CGvDT số 1866-1867, ngày 06-7-2012

## PHÚC ÂM HÒA ĐIỀU

Phương Đông ví Đạo như nước. Từ thế kỷ 6 trước Công Nguyên, qua *Đạo Đức Kinh*, rất nhiều lần Đức Lão Tử dùng tính của nước để liên hệ đến tính của Đạo. Cái tính đó được người Việt diễn tả rằng: “*Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.*” Nghĩa là Đạo uyển chuyển và nước cũng uyển chuyển. Thế nên, những nhà truyền giáo minh triết từ phương Tây khi tới một đất nước phương Đông bao giờ cũng trân trọng và uyển chuyển tìm cách thể hiện Phúc Âm theo phong cách văn hóa bản địa. Và các nhà truyền giáo Tin Lành Na Uy đã từng hành đạo như vậy.

Na Uy là nước quân chủ lập hiến ở Bắc Âu. Nhà nước Na Uy ủng hộ Giáo Hội Tin Lành Luther, quốc vương bổ nhiệm các nhà truyền giáo. Luật pháp Na Uy quy định chính phủ trả lương và các khoản phụ cấp cho các nhà truyền giáo. Giáo Hội Tin Lành Luther (*the Evangelical Lutheran Church*) vì thế có thể được xem là quốc giáo của Na Uy, với tín đồ chiếm khoảng 94% dân số, mặc dù nhiều người trong tỷ lệ đó thực sự không sinh hoạt tôn giáo. Tuy nhiên luật pháp Na Uy vẫn bảo đảm cho dân chúng quyền tự do tín ngưỡng. Ngoài Giáo Hội Tin Lành Luther, còn có các cộng đoàn thuộc phong trào Hiện Xuống (*Pentecostalism*) cũng như các giáo hội Tin Lành khác. Dân chúng Na Uy còn theo Công Giáo La Mã (*Roman Catholic*); riêng tín đồ Hồi Giáo chỉ có một số ít.<sup>(1)</sup>

Năm 1930 một số nhà truyền giáo Tin Lành Na Uy đến

Hương Cảng thành lập Trung Tâm Cơ Đốc Giáo Đạo Phong Sơn, lấy tên ngọn núi Đạo Phong ở địa phương.<sup>(2)</sup>

Với mục đích truyền bá Phúc Âm phù hợp phong cách Trung Hoa, kiến trúc ban sơ của Trung Tâm được thiết kế theo kiểu đạo viện Lão Giáo, cất bằng gỗ, tường trát vữa, quét vôi trắng, mái lợp ngói xanh đen. Sau này, do mỗi một và hỏa hoạn, toàn bộ kiến trúc phải tu tạo lại, cho lắp đặt các thiết bị hiện đại và trang trí mới. Chẳng hạn, nhà nguyện đủ chứa sáu mươi người, cất kiểu đài bát giác, gọi nghĩ đến hai ngôi đền dẫn vào Thiên Đàn ở Bắc Kinh. Nơi đây mỗi sáng Chúa Nhật hành lễ dùng tiếng Hoa (10:30); buổi chiều dùng tiếng Anh (17:30).

Trung Tâm chú trọng tìm kiếm các tác phẩm mới của họa sĩ Trung Quốc nên mở rộng quan hệ với các họa sĩ, học giả, cơ sở giáo dục ở Hong Kong và lục địa (Trung Quốc). Các cuộc triển lãm mỹ thuật và hội nghị được tổ chức để tạo diễn đàn chuyên môn cho các giới sáng tác và nghiên cứu trao đổi kinh nghiệm. Phòng họp của Trung Tâm chứa được sáu mươi người, cũng theo kiến trúc đạo viện Trung Hoa.

Ngoài việc xuất bản sách về mỹ thuật Cơ Đốc Giáo theo phong cách Trung Hoa, Trung Tâm mở trên núi Đạo Phong một cửa tiệm xinh xắn, tĩnh lặng, bày bán các tác phẩm mỹ thuật với nhiều chủ đề mượn từ Kinh Thánh, thể hiện qua bốn loại chính yếu: đồ sứ, thảm dệt, cắt dán (giấy, vải), sơn dầu.

<sup>(2)</sup> Hiện nay Trung Tâm tọa lạc tại số 33 đường Đạo Phong Sơn 道風山, Sa Điền (Shatin) 沙田, Tân Giới (New Territories) 新界, Hương Cảng 香港.

<sup>(1)</sup> *Encarta Encyclopedia Standard Edition 2004.*



Nhà nguyện



Phòng họp

Trung Tâm Cơ Đốc Giáo Đạo Phong Sơn

Riêng về đồ sứ, Trung Tâm thực hiện chủ đề *Phúc âm trên đồ sứ Trung Hoa*. Các tích trong Tân Ước thể hiện trên đồ sứ làm thủ công, tranh vẽ tay theo phong cách Minh-Thanh (thế kỷ 14-19). Chẳng hạn, một đĩa sứ vẽ Chúa Hài Đồng trong máng cỏ; Đức Mẹ mặc y phục Trung Hoa:



Tích ba vua Gaspar (hay Caspar), Melchior và Balthazar từ phương Đông đến châu mừng Chúa Hài Đồng nơi hang đá. Ba vua, Đức Mẹ đều mặc y phục Trung Hoa. Lễ vật cũng là đồ sứ Trung Hoa.





Trung Tâm Cơ Đốc Giáo Đạo Phong Sơn có tên tiếng Anh là *Tao Fong Shan Christian Centre* và tên chữ Hán là *Đạo Phong Sơn Cơ Đốc Giáo Tùng Lâm*.<sup>(3)</sup>

<sup>(3)</sup> 道風山基督教叢林

*Lâm* nguyên nghĩa là rừng, nhưng còn có vài nghĩa khác. Một phần của Đức Khổng Tử chính danh là *Khổng lâm* 孔林. Người Việt có câu “*Rừng Nhu biển Thánh khôn dò...*”; rừng Nhu tức là *Nho lâm* 儒林. Người Trung Hoa hiểu Nho lâm là toàn bộ những kinh điển, văn học, văn hóa đạo Nho.

*Tùng lâm* là rừng rậm. Chữ Hán gọi chùa Phật là *tùng lâm* bởi lẽ ngày xưa Đức Phật Tổ Thích Ca thường giảng đạo trong các khoảnh rừng thanh tịnh; các tịnh xá (vihara) thời Phật Tổ cũng hay cất trong các khu rừng u nhã. Do đó *tùng lâm* còn được dùng để chỉ cộng đồng tăng già (samgha) và cư sĩ hòa hiệp nhau tu học, hành đạo.

Như thế, về mặt danh xưng năm chữ Cơ Đốc Giáo *Tùng Lâm* trên đây đích thị đã dùng thuật ngữ *Tùng lâm* theo ý nghĩa đặc biệt của văn hóa Nho-Phật Trung Hoa; còn về mặt kiến trúc (đã nói trên đây) lại mang sắc thái đạo viện Lão Giáo. Sự chọn lựa như thế của các giáo sĩ Tin Lành Na Uy chắc chắn phải tạo được ấn tượng và tình cảm nhất định đối với tâm hồn một dân tộc đã mấy ngàn năm kính ngưỡng Tam Giáo.

Nói khác đi, qua hình thái kiến trúc, tên gọi và mục đích hoạt động văn hóa nghệ thuật của Trung Tâm Cơ Đốc Giáo Đạo Phong Sơn, quả thật các nhà truyền giáo Na Uy đã rất biết cách gieo hạt giống lành của Chúa trên mảnh đất văn hóa Trung Hoa. Các vị ấy còn gọi cho ta lãnh hội thêm rằng Phúc âm đến không phải để chinh phục, mà để hòa điệu mạch sống tâm linh.

18-12-2004

CGvDT số 121, tháng 01-2005



## TA LÀ TA



Ông Môsê che mặt đi, không dám nhìn Thiên Chúa.  
(Xuất Hành 3:6)

Đọc *Cựu Ước, Xuất Hành*, Chương 3, đoạn Thiên Chúa trả lời câu hỏi của ông Môsê rất thú vị.

Chương 3 mở đầu với sự kiện ông Môsê trong lúc chăn chiên cho bố vợ, dẫn đàn chiên qua bên kia sa mạc, đến núi Khô-rêp. Khi thấy một bụi cây cháy bùng lên, nhưng bụi cây không bị lửa thiêu rụi như lẽ thường, ông ngạc nhiên quá, tự nhủ:

*“Mình phải lại xem cảnh tượng kỳ lạ này mới được; vì sao bụi cây lại không cháy rụi?”* (Xuất Hành 3:3)

Đây là cơ duyên để ông gặp Thiên Chúa.

Đức Chúa bảo ông bỏ dép ra vì ông đang ở trên đất thánh. Rồi gọi ông bước lại gần, Ngài dạy như sau:

*“Ta là Thiên Chúa của cha ngươi, Thiên Chúa của Ápraham, Thiên Chúa của Ixaác, Thiên Chúa của Giacóp.”* (Xuất Hành 3:6)

Sau đó, trao sứ mạng cho ông Môsê, Đức Chúa dạy:

*“Ta đã thấy rõ cảnh khổ cực của dân Ta bên Ai Cập, Ta đã nghe tiếng chúng kêu than vì bọn cai hành hạ. Phải, Ta biết các nỗi đau khổ của chúng. (...) Giờ đây, tiếng rên siết của con cái Ítraen đã thấu tới Ta; Ta cũng đã thấy cảnh áp bức chúng phải chịu vì người Ai Cập. Bây giờ, ngươi hãy đi! Ta sai ngươi đến với Pharaô để đưa dân Ta là con cái Ítraen ra khỏi Ai Cập.”* (Xuất Hành 3:7,9,10)

Khi nhận lãnh sứ mạng Đức Chúa ban trao, ông Môsê có một thắc mắc thuộc về thủ tục giao tế. Ông giải bày:

*“Bây giờ, con đến gặp con cái Ítraen và nói với họ: Thiên Chúa của cha ông anh em sai tôi đến với anh em. Vậy nếu họ hỏi con: Tên Đấng ấy là gì? Thì con sẽ nói với họ làm sao?”* (Xuất Hành 3:13)

Tức là ông Môsê muốn hỏi: Ngài tên gì? Cho con biết để con nói lại với họ.

Chỗ rất thú vị trong Chương 3 này là cách Thượng Đế trả lời ông Môsê.

Theo bản tiếng Anh NIV (*New International Version*), Thượng Đế trả lời như sau: *“I am who I am.”* (a)

Một số bản thông dụng khác cũng in như vậy, và ghi chú rằng câu (a) tương đương với câu: “*I am what I am.*” (b)

Hai câu tiếng Anh (a) và (b) dẫn trên được xem là tương đương với câu sau đây trong bản King James: “*I am that I am.*” (c)

Nói *who* như (a) thì liên quan tới họ tên.

Nói *what* như (b) thì liên quan tới việc làm hay nghề nghiệp.

Dùng *that* như (c) để thay thế cho cả *who* và *what* thì bao hàm cả hai ngụ ý ấy và như thế gọn hơn rất nhiều so với câu được dịch trong bản *The Amplified Bible* vừa gồm luôn hiện tại lẫn tương lai:

“*I am who I am and I am what I am and I will be what I will be.*”<sup>(1)</sup>

Trong một bản Cựu Ước tiếng Việt, câu Thiên Chúa trả lời ông Môsê được dịch như sau: “*Ta là Đấng Hiện Hữu.*”

Trong một bản chữ Hán, câu trả lời của Thiên Chúa được dịch là:

*Ngã thị tự hữu vĩnh hữu đích.*<sup>(2)</sup>

(Ta là Đấng tự có muôn đời. / Ta là Đấng tự hữu và hằng hữu.)

Với ba câu (a), (b) và (c), riêng tôi thích “diễn Nôm” như sau: *Ta là Ta*. Câu này tuy trả lời mà lại không trả lời gì hết! Bởi lẽ mọi cái tên mà thế gian vẫn dùng để gọi

<sup>(1)</sup> The Zondervan Corporation & The Lockman Foundation, bản in đầu tiên 1965.

<sup>(2)</sup> 我是自有永有的。

Thượng Đế hay Thiên Chúa đều tương đối.

Vì sao mọi cái tên mà thế gian vẫn dùng để gọi Thượng Đế hay Thiên Chúa đều tương đối?

Tùy tín ngưỡng, tùy dân tộc, Thượng Đế có nhiều tên gọi khác nhau bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Tùy góc độ con người quan niệm Thượng Đế như thế nào mà Ngài có một tên gọi tương ứng.

Trước những nghịch cảnh éo le trên đời mà con người không thể giải thích nổi, người ta trút hết trách nhiệm cho Đấng Tạo Hóa (*Hóa Công, Creator: Thượng Trời*).

Nhưng “ông Thượng” này tính tình có lẽ không khác hơn đứa trẻ tinh nghịch, nên thế gian gọi Ngài là *Hóa Nhi (Divine Child)*. Nguyễn Gia Thiều (1741-1798) gọi là *Trẻ Tạo Hóa*, và còn đề đời hai câu bắt hủ:

*Trẻ Tạo Hóa đành hanh quá gan  
Chết đuối người trên cạn mà chơi.  
(Cung Oán Ngâm Khúc)*

Thậm chí, ngay trong phạm vi một tôn giáo như đạo Lão chẳng hạn, Thượng Đế cũng có nhiều tên gọi khác nhau.

Khi nhìn Ngài là Đấng hữu ngã (*Personal God*), là vua (chúa tể) của càn khôn thế giới thì đạo Lão gọi Ngài là *Ngọc Hoàng Thượng Đế*, là *Nguyên Thủy Thiên Tôn*...

Khi nhìn Ngài là Đấng vô ngã (*Impersonal God*), thì gọi Ngài là *Đạo*, hay *Đại Đạo*...

Khi nhìn Ngài là Đấng vừa hữu ngã vừa vô ngã, thì gọi Ngài là *Hồng Quân Lão Tổ*. Hồng Quân là cái khuôn lớn để “đúc” ra vạn vật, vạn loại trong vũ trụ. Hồng Quân mang tính vô ngã; Lão Tổ (vị tổ già) mang tính hữu ngã.

Trong đạo Cao Đài (cũng như đạo Lão), vì nhìn Thượng Đế là Đấng vừa hữu ngã vừa vô ngã nên gọi Ngài là *Đại La Thiên Đế*, là *Thái Cực Thánh Hoàng*. Thật vậy:

- *Thiên Đế* và *Thánh Hoàng* mang tính hữu ngã, xem Ngài là vua cõi trời.

- *Đại La* (tám lưới lớn, ám chỉ luật công bình của vũ trụ, bao trùm tất cả và không bỏ sót một điều chi, dấu nhỏ nhất), và *Thái Cực* (âm dương phối hợp sinh hóa muôn loài) mang tính vô ngã.

\*

Trên đây, khi nói rằng mọi cái tên mà thế gian vẫn dùng để gọi Thượng Đế đều tương đối, tôi nhớ tới câu mở đầu *Đạo Đức Kinh* của Đức Lão Tử:

“*Đạo khả đạo phi thường Đạo. Danh khả danh phi thường danh.*”<sup>(3)</sup>

(Đạo mà có thể nói được thì không phải là cái Đạo bất biến. Tên mà có thể gọi được thì không phải là cái tên bất biến.)

Qua Chương 25, chúng ta hiểu thêm vì sao Đức Lão Tử phủ định quyết liệt như thế:

“*Ngô bất tri kỳ danh; tự chi viết Đạo, cưỡng vi chi danh viết Đại.*”<sup>(4)</sup>

(Ta không biết tên; đặt tên là Đạo, miễn cưỡng gọi tên là Lớn.)

<sup>(3)</sup> 道可道非常道。名可名非常名。

<sup>(4)</sup> 吾不知其名；字之曰道，強爲之名曰大。

Vậy Đạo hay Đại Đạo, Đạo Lớn (Thượng Đế vô ngã) theo Đức Lão Tử chỉ là cái tên gọi bất đắc dĩ phải dùng tạm.

Trong đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn xưng danh với nhiều tên gọi khác nhau. Ngài cũng xác minh mọi cái tên của Ngài đều giả, không phải là *thường danh* (như Đức Lão Tử từng dạy). Do đó, Ngài đã xưng *Ngọc Hoàng Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông*. Tá danh là mượn cái tên gọi.

Có lần Đức Cao Đài dạy một môn đệ (là vị hiệu trưởng một trường trung học danh tiếng ở Sài Gòn trước năm 1975) như sau:

...

*Tên là cái giả triền miên muôn đời  
Xuống lên, lên xuống luân hồi  
Đến tên Ngọc Đế mấy hồi đổi thay  
Khi xưng Giáo Chủ Cao Đài  
Khi xưng Thiên Chúa, khi khai Di Đà  
Lắm hồi Bồ Tát Ma Ha  
Bao lần Không, Mạnh cũng Già này đây.*

Và để khẳng định tính chất tương đối của mọi tên gọi, danh xưng trên thế gian, trong thánh giáo Cao Đài còn có câu thánh ngôn này:

*Cao Đài không phải là Cao Đài mới thật là Cao Đài.*

Đây là cách phủ định cái tương đối trong thế giới nhị nguyên để xác định cái tuyệt đối.

Câu thánh ngôn Cao Đài dẫn trên còn nhắc ta nhớ tới lời Đức Phật Thích Ca dạy một đại đệ tử là ông Tu Bồ Đề (*Subhuti*), được chép trong *Kinh Kim Cang* như sau:

*Tu Bồ Đề! Sở vị Phật, pháp giả, tức phi Phật, pháp.*<sup>(5)</sup>

(Này Tu Bồ Đề ơi! Chỗ gọi là Phật là pháp, tức chẳng phải là Phật, chẳng phải là pháp.)

\*

Con người thế gian sống trong cõi tương đối (nhị nguyên đối đãi: *dualistic*). Lây ngôn ngữ tương đối của thế gian để gọi, diễn tả Tuyệt Đối Thể (Thượng Đế) chung quy chỉ là sự gắng gượng chẳng dặng dưng, là phương tiện tạm dùng. Xưa nay kinh điển của những nền chánh pháp khi dùng ngôn ngữ tương đối diễn giảng, giải bày, dẫn dắt cho người tu tìm đến Đạo (Tuyệt Đối Thể) vì thế đều giống nhau ở chỗ lấy phương pháp *phủ định*.

Khi không muốn phủ định nữa thì làm thính, nín lặng. Đó là bài thuyết pháp *vô ngôn* của Đức Phật khi Ngài lặng lặng nhón lấy một nhành hoa (*niêm hoa 拈花*) giơ cao lên giữa đông đảo đệ tử vây quanh.

Bài pháp vắng bật ngôn ngữ ấy chỉ duy nhất một đại đệ tử là ông Ma Ha Ca Diếp (*Mahākāśyapa*) lãnh hội được, nên ông sung sướng nhoẻn miệng nở một nụ cười chúm chím (*vi tiếu 微笑*) giữa đại chúng còn đang ngỡ ngác, bàng hoàng trước nhành hoa trên đầu mấy ngón tay của Phật Tổ.

24-11-2011

CGvDT số 203, tháng 11-2011

---

<sup>(5)</sup> 須菩提! 所謂佛, 法者, 即非佛, 法.

Có lần một người bạn đưa tôi mượn đĩa phim DVD của Hàn Quốc, nhan đề *Chú Tiểu* (A Little Monk), phát hành tháng 4-2003, đoạt giải phim xuất sắc tại Liên Hoan Phim Châu Á. Cơ hội thưởng ngoạn tình cờ ấy lắng đọng ở kẻ xem phim chút suy niệm về trải nghiệm kiếp người.

Phim nhẹ nhàng, diễn viên thừa thớt, cảnh trí chủ yếu xoay quanh một ngôi chùa nơi làng quê. Nhịp phim chậm và nội dung chẳng có gì ly kỳ, gay cấn, thế mà dường như mang mẽ ít nhiều luận đề triết lý:

- Triết lý về nỗi kiên trì đợi chờ trong vô vọng;
- Triết lý về hành trình giải phóng tâm và cảnh;
- Triết lý về hành động dân thân để tự dứt bỏ hệ lụy bản thân...

Dài 102 phút, *Chú Tiểu* là một trong mấy phim hay nhất của Hàn Quốc. Chuyện về ba thầy trò sống chung dưới một mái chùa:

- Hòa thượng già nghiêm khắc nhưng nhân hậu (diễn viên Yeong-su Oh);
- Nhà sư trẻ Jeong-sim hai mươi tuổi (diễn viên Min-gyo Kim);
- Chú tiểu Do-nyeom chín tuổi (diễn viên “nhí” Tae-jin Kim).

Kịch bản của Joo Kyeong-joong đơn giản nhưng cảm

động. Chuyện lòng trong một không gian yên lành, thanh tĩnh, đẹp quyến rũ đến nỗi từ hòn đá, ngọn cỏ, cánh hoa, tán cây, dòng nước, mái ngói, nhịp cầu... tất cả đều thơ mộng tưởng như siêu thực! Người xem phim phải xé mình làm hai: vừa theo dõi tình tiết diễn tiến chậm và sâu lắng, vừa thán thưởng các cảnh đẹp tiếp nối nhau cơ hồ chẳng dứt.

Để có được hiệu quả thẩm mỹ ấy, đoàn làm phim mất một năm đi viếng hơn một trăm cảnh chùa, cuối cùng mới chọn chùa Bongjeongsa ở Andong. Hầu hết các cảnh quay đã thực hiện ở chùa này trong bốn năm.

Ngoài chiếc cầu Seungseongyo dẫn đến chùa Bongjeongsa, trong phim còn một chiếc cầu khác tên là Gangseonnu dẫn tới chùa Seonamsa. Nhà tắm chùa Seonamsa đã được mượn cho cảnh quay ba thầy trò tắm chung, vừa ngộ nghĩnh, vừa bàng bạc tình thương yêu đầm thắm.

Tuổi già và tính nghiêm khắc, hòa thượng trụ trì quen băng rảng hai môn đệ còn trẻ và thơ dại, họ có những đòi hỏi bức bách riêng và chúng tạo thành những trói buộc của kiếp người ở từng chặng đời. Giải thoát đối với Hòa thượng đơn giản là khép mình vào giới luật, an trú trong hiện tại và chờ ngày bỏ xác đi về cực lạc. Nhưng giải thoát trong hiện tiền đối với chú tiểu và nhà sư trẻ lại theo hai nẻo khác hẳn.

Trần trề nhựa sống tuổi hai mươi, Jung-sim chỉ mong được thoát khỏi tiếng gọi mãnh liệt của bản năng xác thịt không ngừng đòi hỏi, thúc giục. Trong anh là trận nội chiến khốc liệt: Căm giận chính mình, giữa canh khuya tĩnh mịch, anh gõ mõ dữ dội như muốn đập tan khối gỗ, gào to giọng tụng kinh, còn gương mặt thì đau khổ tột cùng vì

không sao xóa nhòa trong tâm tưởng hình ảnh đôi nam nữ đang quấn chặt vào nhau giữa cơn hoan lạc. Tuyệt vọng, anh lấy vải quấn ngón tay, tẩm dầu rồi đốt. Thịt da cháy bỏng rồi mà cứ sao ham muốn sắc dục vẫn cứ tươi nguyên!

Chú tiểu Do-nyeom chín tuổi không có chút ký ức gì về mẹ, nhưng luôn luôn khao khát tình mẹ, chỉ đau đầu mong có mẹ y như các trẻ đồng trang lứa trong ngôi làng gần chùa. Năm này sang năm khác, chú khao khát được thấy mẹ tới đem chú rời khỏi chùa để về sống trong một mái nhà thật sự. Vì chùa chẳng phải là nhà. Mỗi lần có bóng tín nữ ghé chùa là thêm một lần chú nuôi ảo vọng. Xem phim, khó cầm lòng khi thấy chú bé thơ ngây đang thềm hơi ấm của mẹ, thồn thức giải bày với hòa thượng:

- Thầy ơi! Trong chùa lạnh lắm, không đêm nào con ngủ được!

Cuối cùng Do-nyeom và Jung-sim nhận ra mỗi người phải tự hành xử, phải đích thân giải quyết vấn nạn bản thân theo cách riêng của mình. Và đã quyết định, thì họ ra đi, bỏ chùa bỏ thầy. Kết quả? Nào biết là thành hay bại, vì phim kết thúc sau khi hai kẻ đau khổ lần lượt lên đường, dững cảm dấn thân.

Đạo diễn Joo Kyeong-joong chọn người bỏ chùa sau cùng là chú tiểu. Bằng cách này, đoạn kết phim làm người xem se thắt cõi lòng, khi xúc động dõi mắt theo từng bước chân nhỏ bé loạng choạng lún sâu vào mênh mông tuyết lạnh đang phủ dày con đường tìm mẹ – một bà mẹ trong nỗi khát khao bất tận mà chú bé không hề biết ở đâu, thậm chí không hề có lấy một nét mặt mơ hồ trong tâm tưởng!

\*





Bữa cơm thường ngày của ba thầy trò



Lão sư phụ nghiêm khắc nhưng từ ái chăm sóc chú tiểu.



Mỗi khi có tín nữ ghé chùa chú tiểu lại nuôi ảo vọng gặp mẹ.



Chú tiểu lẻ loi tìm mẹ trên con đường mê mông tuyết lạnh.



Mái chùa thường gắn liền với khái niệm thanh tịnh. Đây là nơi lắng đọng cho những ai muốn xa lìa cuộc đời phồn ba náo nhiệt. Nhưng phim *Chú Tiểu* cho thấy ngược lại. Khi lòng người chưa tĩnh lặng thì chùa thanh vắng, tịch mịch vẫn hóa ra xáo trộn, rộn ràng.

Có người nghĩ rằng tuổi nhỏ dễ tu, vì không bị chương ngại tham dục. Nếu đúng vậy, có sao chú bé vẫn không thể an trú bên thầy dưới mái chùa trang nghiêm? Phải chăng tham dục ở lòng trai hai mươi của Jung-sim đã hóa thân thành tham ái ở chú bé chín tuổi Do-nyeom? Thế thì khao khát yêu thương cũng là chương ngại khuấy động thanh tịnh cuộc sống người tu ư?

Đối với hòa thượng, tựa như cây khô cần cỗi, có lẽ thầy không bị tham ái hay tham dục chi phối. Chương ngại của thầy dường như là định kiến của thầy vào cách đạt tới giải thoát. Thầy không giúp được trò và hai đệ tử đã bỏ thầy ra đi. Lão sư phụ ở lại, cô đơn giữa cảnh chùa thê lương quạnh quẽ. Biết thầy có còn giữ được tâm hồn an nhiên nữa không nếu như nắng xuống chiều lên cũng bắt thầy nhớ nghĩ những bóng hình một thời thân thương, gần gũi?

24-6-2006

CGvDT số 1567, ngày 21-7-2006

## XEM XUÂN HẠ THU ĐÔNG

Dài 103 phút, nói tiếng Hàn, kèm phụ đề (Anh, Pháp, Việt...), sau khi phát hành (2004), phim *Xuân Hạ Thu Đông... Rồi Lại Xuân* (Spring Summer Fall Winter... and Spring) được xếp hạng trong mười phim hay.

Nhân vật:

- Lão hòa thượng (diễn viên Oh Young-soo, cũng là lão hòa thượng trong phim *Chú Tiểu* – Little Monk);

- Chú tiểu (diễn viên “nhí” Kim Jong-ho, cũng diễn xuất rất hay như bé Tae-jin Kim trong phim *Chú Tiểu*);

- Cô gái tá túc trong chùa (diễn viên Ha Yeo-jin);

- Tu sĩ (ba diễn viên Seo Jae-kyeong, Kim Young-min, Kim Ki-duk lần lượt thủ vai).

Đạo diễn (kiêm biên kịch, diễn viên): Kim Ki-duk (金基德 Kim Cơ Đức, bốn mươi ba tuổi, tự học nghề điện ảnh)

Câu chuyện lần lượt như sau, qua năm chặng, y như nhan đề phim:

**XUÂN** – đầu đời, tuổi ấu thơ.

Hồ nước mênh mông, núi cao vây quanh, bình bồng mái chùa nổi, chỉ có sư già (diễn viên Oh Young-Soo) và chú tiểu non mười tuổi (diễn viên Kim Jong-ho).

Cảnh lẻ loi, quạnh vắng, nhưng quá hữu tình. Ấn tượng sâu sắc là cách ông thầy từ bi mà nghiêm khắc uốn nắn, dạy dỗ đứa trẻ con tinh nghịch biết yêu thương các sinh vật bé nhỏ để nó từ bỏ trò chơi tai quái, hành hạ cá, ếch, rắn...



Chú tiểu và sư phụ. Xa xa là ngôi chùa chơ vơ giữa hồ.



Chú tiểu khóc nức nở khi bị sư phụ trừng phạt tội sát sinh.



Từ khi cô gái đến ngôi chùa thơ mộng, lòng kẻ tu hành ở tuổi thanh xuân không còn phẳng lặng như mặt nước hồ.



Sư phụ dùng đuôi mèo viết Bát Nhã Tâm Kinh lên sàn gỗ để kẻ sám hối nhẫn nại khắc theo từng nét thư pháp.

Đứa trẻ oằn người với tảng đá nặng thầy buộc ngang lưng; đem chôn xác rắn, bé khóc thảm thiết, day dứt sám hối vì nhớ lời thầy:

- Nếu con giết một sinh vật, tâm con sẽ đeo tảng đá này suốt đời.

**HÈ** – tuổi trẻ phơi phới, nung nấu dự tình như nắng hè thiêu đốt.

Chú tiểu trở thành chàng trai tuấn tú mười bảy tuổi (Seo Jae-kyeong).

Cũng con đường mòn trong núi nhiều năm về trước, cũng những con rắn quen mắt, nhưng bây giờ anh (đang tuổi phát dục) thấy rắn không phải là rắn. Một ổ rắn nhưng nhúc từng cặp cuộn vào nhau giao phối, và anh ngất ngây quan sát.

Rắn (biểu tượng của cám dỗ tội lỗi nơi vườn Eden chép trong *Cựu Ước*) được tái hiện ở Xuân Hạ Thu Đông như báo hiệu cho mỗi lần nhân vật sắp phạm tội.

Nhiều cảnh sau cũng vậy: Rắn bò trên trang kinh, rắn nằm trong ngăn tủ chứa cà sa, trên bàn thờ Phật. Mỗi lần rắn xuất hiện thì sau đó xảy ra đổ vỡ!

Đổ vỡ khởi đầu từ hôm một cô gái trẻ, xinh xắn (diễn viên Ha Yeo-jin) đến chùa tá túc để thầy anh trị bệnh:

Cô và anh yêu nhau, quấn quýt. Tấm áo thầy tu bèn trút bỏ để hai xác thịt hòa nhịp trên phiến đá giữa thiên nhiên hoang vắng cám dỗ. Họ quyện lẫn vào nhau trong khoang thuyền con bập bênh giữa mặt hồ canh khuya đồng lõa. Thậm chí là ngay trong mái chùa trang nghiêm, sư phụ say ngủ cận kề và bàn thờ Phật gần trong gang tấc, nhưng đôi

trẻ táo tợn dám biến Phật đường thành chốn ái ân hoan lạc!

Cô lành bệnh, rời chùa và anh bỏ thầy, hoàn tục.

Không cần được trò, lão hòa thượng gửi theo anh lời cảnh báo tiên tri:

- Tham dục đưa tới chiếm hữu; chiếm hữu dẫn tới giết chóc.

## THU

Người đàn ông ba mươi tuổi (diễn viên Kim Young-min, tức Kim Vinh Mẫn 金榮敏) giết vợ vì ghen. Sau đó kẻ năm xưa bỏ chùa quỳ trở về với thầy, lòng vẫn đầy thù hận. Để định tĩnh tâm hồn đảo điên thù hận ấy, lão sư phụ buộc y khắc trên sàn bê gỗ (cũng là sân chùa) trọn bài *Bát Nhã Tâm Kinh*.<sup>(1)</sup>

Người yêu thư pháp phải nín thở khi xem hòa thượng một tay ôm con mèo (còn sống), một tay cầm đuôi mèo thay ngọn bút lông lần lượt viết trọn hai trăm sáu mươi chữ Hán mỹ miều để làm mẫu cho học trò khắc lõm trên sàn bê gỗ.

Hai cảnh sát hình sự cuối cùng cũng lần dò ra kẻ sát

---

<sup>(1)</sup> Bản dịch chữ Hán (của Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang đời Đường, thế kỷ 7) gồm hai trăm sáu mươi chữ, mở đầu như sau:

*Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách. 觀自在菩薩行深般若波羅蜜多時,照見五蘊皆空,度一切苦厄。*

Nghĩa là:

Đức Bồ Tát Quán Tự Tại lúc thực hành thâm sâu bát nhã ba la mật, soi thấy năm uẩn đều không, vượt qua mọi khổ nạn.

nhân đang ẩn mình nơi ngôi chùa trơ trọi giữa hồ.

Trước khi dẫn độ kẻ sát nhân, hai cảnh sát đồng ý dành cho y thêm thời gian để hoàn thành sám hối. Khi y kiệt sức lăn quay ra ngủ, hai cảnh sát cùng lão sư phụ cầm cọ xúm vào giúp y tô màu rực rỡ từng chữ kinh khắc lõm.<sup>(2)</sup>

Trò bị áp giải đi rồi, hòa thượng già cô độc chất củi lên

---

<sup>(2)</sup> Chi tiết này nhắc chúng ta nhớ tới nhân vật Toàn Khai (Zenkai 全開). Là con trai một võ sĩ (samurai 武士), anh rời quê nhà tới Giang Hộ (Edo 江戸) hầu cận một ông quan. Dan díu với vợ quan, chuyện vỡ lẽ, anh giết ông chồng rồi dắt người tình trốn đi, trở thành hai kẻ trộm cắp. Người tình ấy quá tham lam, Toàn Khai khinh ghét, bỏ trốn tới một nơi xa xôi là Phong Tiền (Buzen 豊前) xin ăn qua ngày.

Trong vùng có một dốc núi hiểm trở làm nhiều người mất mạng. Để sám hối tội lỗi, Toàn Khai bắt tay đào một đường hầm xuyên núi. Ban ngày xin ăn, ban đêm đào hầm, sau ba mươi năm ròng rã, chỉ dùng đục và búa anh đào được đường hầm dài khoảng một trăm tám mươi lăm mét.

Trước khi đường hầm hoàn tất, con trai ông quan lần dò ra tung tích Toàn Khai và tìm tới Phong Tiền. Bằng lòng chịu chém, nhưng Toàn Khai khẩn khoản xin gia hạn cho tới khi đào xong đường hầm. Kẻ báo thù ưng chịu. Thời gian chờ đợi quá lâu, để quên đi chán nản vì nhàn rỗi, kẻ đòi nợ máu bèn cầm búa và đục. Rốt cuộc, anh hóa ra siêng năng, lẳng lặng phụ giúp Toàn Khai suốt hai năm, và nhân cách kẻ sát nhân dần dần chinh phục anh hoàn toàn.

Khi Toàn Khai sung sướng ném búa đục xuống, thần nhiên ngửa cổ đón chờ lưỡi gươm oan nghiệt bổ xuống thì kẻ kia nước mắt ràn rụa thốt: “Làm sao con giết sư phụ của con được!”.

thuyền, ra giữa hồ mượn ngọn lửa tự thiêu để thoát hồn về cõi Phật.

## ĐÔNG

Mãn tù, gã đàn ông (diễn viên Kim Ki-duk) quay lại chùa xưa hoang phế, kiên trì tháng ngày hành xác, khổ tu sám hối.

Một đêm khuya, có người đàn bà che mặt lén bỏ đũa hài nhi trước sân chùa đóng băng lạnh giá.

## VÀ XUÂN – phục sinh, tái tạo cuộc đời mới.

Nay đã già, nhà sư tận tâm curu mang trẻ dại, lập lại mảnh đời lão hòa thượng đã nuôi dạy chú tiểu khi xưa.

Thế là chu nhi phục thi (hết một vòng lại quay về khởi điểm), là vòng tuần hoàn (Dịch hóa).

\*

Xuân Hạ Thu Đông đẹp lộng lẫy. Có người ngỡ phim giàu tính mỹ thuật và trầm lắng tư tưởng triết giáo thường tẻ nhạt, nhưng Xuân Hạ Thu Đông khác hẳn. Đạo diễn Kim Ki-duk và giám đốc hình ảnh Baek Dong-hyeon tốn nhiều công sức quay nhiều cảnh thiên nhiên đẹp lộng lẫy người, được chọn từ những góc cạnh ở một công viên quốc gia của Hàn Quốc. Vì thế Xuân Hạ Thu Đông còn thể hiện nhận thức về thiên nhiên đang dung chứa con người.

Cũng như phim *Chú Tiểu* của đạo diễn Joo Kyeong-joong, Xuân Hạ Thu Đông của đạo diễn Kim Ki-duk rất ít diễn viên, dè sẻn lời thoại. Ngôn ngữ thanh âm nhường chỗ cho ngôn ngữ hình ảnh.

Nhiều cảnh quay trở thành biểu tượng mang tính ẩn dụ:  
Con gà trong Xuân Hạ Thu Đông có thể là sự thức tỉnh;  
Con rắn là cám dỗ...

Tất cả những vui buồn, yêu ghét, sướng khổ, hợp tan, sống chết... xảy ra chỉ quanh quẩn ở mái chùa chơ vơ giữa hồ nước mênh mông: Mặt hồ đó tượng trưng biểu khổ cuộc đời (khổ hải vạn trùng ba), là cõi nhân gian thu nhỏ.

Tuy đầy biểu tượng, tuy ẩn sau liên tiếp các cảnh đẹp nên thơ là luận đề triết giáo nhưng Xuân Hạ Thu Đông không bí hiểm mà thâm nhập người xem hoàn toàn tự nhiên vì Kim Ki-duk có tài biến triết giáo thâm sâu trở thành phim truyện lãng mạn.

Xuân Hạ Thu Đông kết thúc bằng những cảnh giống như khi mở đầu, tưởng như đây chỉ là một sự lặp lại, tuy chẳng y hệt đến từng chi tiết. Bằng cách này đạo diễn và biên kịch Kim Ki-duk đã thể hiện triết lý về vòng đời là một bánh xe luân hồi (samsara) gồm bốn nhịp Thành Trụ Hoại Không (hay Thành Trụ Hoại Diệt), Sinh Trưởng Thâu Tàng, Sinh Lão Bệnh Tử...

Nhan đề phim *Xuân Hạ Thu Đông... Rồi Lại Xuân* tự nó đã diễn bày triết lý này, có điều, thay vì dùng các thuật ngữ đượm mùi Tam Giáo (Nho, Lão, Thích) thì Kim Ki-duk chỉ nói giản dị là Xuân Hạ Thu Đông, lấy tên bốn mùa làm ẩn dụ thơ mộng cho bốn chặng đời người.

Chú bé đầu phim và chú bé cuối phim đều ngây thơ nhưng đều tàn nhẫn với cá, ếch, rắn: Phải chăng người làm phim muốn nhắc tới luận đề của Tuân Tử 荀子 (313-238 trước Công Nguyên): *Nhân chi sơ tính bản ác* – Ban sơ con người tính tình vốn hung ác.

Cuối cùng mái chùa đã hướng cái ác bản năng trở thành cái thiện. Đó là vai trò thiêng liêng của giáo dục nhân bản nói chung, của đạo lý tôn giáo nói riêng.

Chàng trai khi bỏ chùa để hoàn tục, lén trộm tượng Phật mang đi. Giết người, trở về chùa, tượng Phật vẫn đem theo bên mình. Đi tù xong rồi quày lại chùa tu tiếp, trải qua mấy chục năm đập vùi tâm hồn và thân xác thể mà tượng Phật cũ vẫn toàn vẹn, để rồi được đem đặt trên đỉnh núi cao nhìn xuống thung lũng giữa ánh sáng đẹp ngời như hào quang tung tỏa. Đây chính là ẩn dụ.

Bằng ẩn dụ này, phải chăng Kim Ki-duk ngụ ý nói tới Như Lai, Phật Tánh? Tới không thêm, đi không bớt, là Như Lai. Còn Phật Tánh thì không sinh cũng không diệt.

Con người dù lặn lội trần cấu, đắm chìm trong tham dục và sa đọa chốn tội tình, nhưng cái hạt giống thiện căn Trời phú không bao giờ mất đi. Cao Đài gọi đó là Tính Trời (Thượng Đế Tính). Thế nên mới nói: Không vị Thánh nào không có quá khứ và chẳng kẻ trộm nào chẳng có tương lai.

Các nhân vật trong Xuân Hạ Thu Đông hoàn toàn vô danh, vì Xuân Hạ Thu Đông không hề là mảnh đời riêng của cậu Giáp, cô Ất nào đó. Nó là câu chuyện chung của anh chị, của tôi, của tất cả những ai đang mang thân phận con người: Chúng ta phải đờn đau giằng xé, phải oằn oại đấu tranh với chính bản năng tự nhiên để cố gắng thăng hoa phần thánh thiện phú bẩm nội tại, để trong ta phần CON ngày càng giảm thiểu và phần NGƯỜI ngày càng tăng trưởng.

24-7-2006



## TÂM NIỆM VÀ TRI ÂN

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy: “*Hỡi các con! Giáo lý hay chơn lý Đại Đạo được hoằng dương sâu rộng vào lòng người sẽ biến đổi hoàn cảnh ngăn cách khổ đau của thế gian trở nên thái bình thanh trị hay niết bàn cực lạc.*”<sup>(1)</sup>

Thấm thía lời Thầy dạy trên đây, hằng ngày cúng tứ thời, khi niệm đến câu “*Nam mô nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai; Nhị nguyện phổ độ chúng sanh*”, người đạo Cao Đài chúng ta nên tự hỏi: Tôi đã làm được gì để hoằng khai Đạo Thầy cho đúng nghĩa là một chánh pháp cứu thế Kỳ Ba?

Chúng ta buồn tủi vì tình trạng Đức Giáo Tông Đại Đạo nêu lên cách nay hơn 40 năm, bây giờ vẫn còn phổ biến: “*Thử xem trong thời gian mấy mươi thu qua, mỗi thánh thất, tịnh thất đâu có đủ Ban Cai Quản và Ban Trị Sự, thử hỏi lại có nơi nào đủ khả năng, phương tiện hoặc thì giờ đem giáo lý truyền bá cho tín hữu nơi đó mỗi tháng hai kỳ chẵn?*”<sup>(2)</sup>

Trước hoàn cảnh thiếu thốn giáo lý nói trên, *Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo* ra đời. Xin hết lòng tri ân tất cả Quý vị Mạnh Thường Quân đã ủng hộ mạnh mẽ chương trình hoằng pháp suốt từ tháng 6-2008 tới nay. Và xin tâm niệm lời Đức Giáo Tông Đại Đạo dạy: “*Công quả cùng danh nghĩa Đạo các hiền đệ muội không phải mỗi lúc đều có thể làm được, mà chỉ trong cơ hội thuận tiện nhứt trong kỳ nguơn hạ. Nếu trễ qua, không bao giờ cơ hội ấy trở lại, hoặc được trở lại cũng phải mất mấy chục vạn năm trời.*”<sup>(3)</sup>

### BAN ẤN TỐNG

<sup>(1)</sup> Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-9 Canh Tuất (29-10-1970).

<sup>(2)</sup> Thiên Lý Đàn, 20-9 Kỷ Dậu (30-10-1969).

<sup>(3)</sup> Thiên Lý Đàn, 15-7 Ất Tỵ (11-8-1965).

## CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỐNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

### ĐÃ XUẤT BẢN:

- 1-3. **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐÉ VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2012.
- 2-3. **NGŨ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN.** Huệ Khải, 2008, 2009, 2012.
- 3-2. **LỜI VÀNG SEN TRẮNG.** Bạch Liên Tiên Trưởng; Huệ Khải chú thích, 2008, 2009.
- 4-2. **LÒNG CON TIN ĐÁNG CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010.
- 5-3. **LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010, 2012.
- 6-2. **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐÉ PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải. 2008 in hai lần, 2010.
- 7-1. **CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH LONG AN.** Đạt Linh, Đạt Truyền, Huệ Khải, 2008.
- 8-2. **BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN.** Bùi Văn Tâm, 2008, 2012.
- 9-2. **LỄ BỐN.** Cao Triều Phát soạn; Huệ Khải, Lê Anh Minh san nhuận 2008, 2009.
- 10-3. **CƠ DUYÊN VÀ TUỔI TRẺ.** Phạm Văn Liêm, 2009 in hai lần, 2012.
- 11-2. **NHỚ ĐẠT LINH.** Huệ Khải chủ biên, 2008, 2009.
- 12-3. **KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 13-1. **HỌC TẬP THÁNH GIÁO NĂM ẤT TỶ (1965).** Huệ Khải, Lê Anh Minh hiệp chú, 2009.
- 14-2. **ĐẠO ÁO TRẮNG.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2010.
- 15-3. **TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI.** Thanh Căn, Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 16-2. **TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO.** Huệ Khải, 2009, 2010.
- 17-1. **THIỆN THƯ.** Lê Anh Minh, 2009.
- 18-2. **HƯƠNG QUẾ CHO ĐỜI.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2012.
- 19-1. **XUÂN TRI ÂN.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2010.
- 20-2. **CÓ MỘT TÌNH THƯƠNG.** Bạch Liên Hoa, 2010, 2011.
- 21-2. **BA MÓN BÁU CỦA NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI.** Thanh Căn, 2010, 2012.
- 22-2. **TAM GIÁO VIỆT NAM – TIẾN ĐÉ TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2010, 2013.
- 23-2. **ƠN GỌI MIỀN TRUNG.** Phạm Văn Liêm, 2010, 2011.
- 24-4. **HÀNH TRANG NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI.** Diệu Nguyên, 2010 in hai lần, 2012, 2013.
- 25-3. **CÂU CHUYỆN ĐỨC TIN.** Diệu Nguyên, 2010, 2011, 2012.
- 26-1. **NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH GIẢNG ĐẠO.** Đơn Tâm, 2010.
- 27-2. **HÀNH TRANG TIẾN BỒI CAO TRIỀU PHÁT.** Cao Bạch Liên & Huệ Khải, 2010, 2012.
- 28-2. **TRIẾT LÝ ĐẾN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH.** Huệ Khải, 2010, 2012.
- 29-2. **DANH THẤY DANH ĐẠO.** Đơn Tâm, 2010, 2012.
- 30-2. **MỘT DÒNG BÁT NHẢ.** Huệ Khải, 2010, 2013.
- 31-2. **GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU.** Huệ Khải, 2010, 2011.



- 32-1. **NGÀI MINH THIÊN - CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP.** Đại Cơ Huồn, 2010.  
 33-2. **TINH HOA CAO ĐÀI GIÁO.** Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2010, 2012.  
 34-3. **THẤT CHÂN NHÂN QUẢ.** Lê Anh Minh dịch và chú thích, 2010 in hai lần, 2012.  
 35-1. **XUÂN CHUNG TÂM.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2011.  
 36-1. **ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO.** Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.  
 37-2. **NÓI CHUYỆN CAO ĐÀI.** Đơn Tâm, 2011, 2012.  
 38-2. **KINH SÁM HỐI MINH HỌA.** Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tranh 4 màu, 2011, 2012.  
 39-2. **TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN.** Huệ Khải.  
 40-2. **SỬ MẠNG ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ.** Đơn Tâm, 2011, 2012.  
 41-2. **TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ.** Phạm Văn Liêm, 2011, 2013.  
 42-1. **NHIP CẦU TƯƠNG TRI.** Huệ Khải, 2011.  
 43-2. **ĐIỂM TỰA TÂM LINH.** Huệ Khải, 2011, 2012.  
 44-2. **ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ.** Huệ Khải, 2011, 2013.  
 45-1. **NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.** Huệ Khải, 2011.  
 46-1. **TIẾNG CHIM QUYÊN.** Phạm Văn Liêm (thơ), 2011.  
 47-1. **MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2011.  
 48-1. **CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC.** Huệ Khải, 2011.  
 49-1. **KINH CÙNG TỬ THỜI.** Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.  
 50-1. **XUÂN HÒA ĐỒNG.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2012.  
 51-3. **CUỘC ĐỜI PHẬT THÍCH CA.** Ngô Bái Thiên, tranh 4 màu, 2012 in hai lần, 2013.  
 52-2. **TU CỨU CỨU HUYỀN THẤT TỐ.** Huệ Khải, 2012, 2013.  
 53-1. **CẤM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỶ (1928-1950).** Huệ Khải, 2012.  
 54-2. **BẮC CẦU TÂM LINH.** Huệ Khải / 55-2. **HÒA ĐIỆU LIÊN TÔN.** Huệ Khải, 2012, 2013.  
 56-1. **ĐẠO LÝ HUYỀN CƠ.** Thiện Bảo. / 57-1. **LƯỢC SỬ BÁT BỬU PHẬT ĐÀI.** Thiện Bảo, 2012.  
 58-1. **CAO ĐÀI KHÁI YẾU.** Đạt Đức, 2013.  
 59-1. **QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY.** Huệ Khải, 2013.  
 60-1. **MỤC ĐÍCH & ĐƯỜNG LỐI CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO.** Đơn Tâm, 2013.  
 61-1. **GIỌT NGỌC KIM BÀN.** Thanh Căn, 2013.  
 62-1. **CUỘC ĐỜI ĐỨC KHỔNG TỬ.** Huệ Khải & Lê Anh Minh, truyện tranh, 2013.  
 63-1. **CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ PHỤC SINH.** Nhiều người viết, 2013.  
 \* **ĐẠI ĐẠO VĂN UYẾN 1, 2, 3, 4, 5, 6.** Hiệp tuyển thơ văn, 2012, 2013.

**ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ**  
**CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO**

**HUỆ KHÀI**  
**HÒA ĐIỆU LIÊN TÔN**

*IN LẦN THỨ HAI*

*Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN CÔNG OÁNH*

*Biên tập: LÊ HỒNG SƠN*

*Trình bày & Kỹ thuật: DŨ LAN*

*Vẽ bìa: LÊ ANH HUY*

*Bìa 4: HUỆ KHÀI VĂN TẬP 慧啓文集*

*Thư pháp: TRƯƠNG LỘ 張路*

*Sửa bản in: LÊ ANH MINH, DIỆU NGUYỄN*

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**

53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

☎ (04) 37822845 – Fa : (04) 37822841

In năm ngàn bản, khổ 14,5x20,5 cm, tại XN In FAHASA  
 774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ (08) 38153971 – Fax : (08) 38153297

Số xuất bản **794-2013/CXB/42-112/TG**, ngày 08-7-2013.

In xong và nộp lưu chiểu quý Ba năm 2013.

**SÁCH ẤN TỔNG (KHÔNG BÁN)**

*Tổng phát hành: Hiền huynh TRẦN VĂN QUANG*

59/79 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM. ☎ 0913613653